

Số: 3703/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động và phòng, chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm”

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp cấp bách để nâng cao chất lượng và chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động và phòng, chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm” (sau đây gọi tắt là Đề án), với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động đăng kiểm; giảm thiểu tối đa tiêu cực trong tất cả các hoạt động đăng kiểm; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại đáp ứng được quá trình hội nhập quốc tế và yêu cầu của hoạt động đăng kiểm.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tổ chức hoạt động đăng kiểm theo hướng bảo đảm tính công khai, minh bạch, kỷ luật, kỷ cương và giảm thiểu sai sót; hạn chế tối đa tiêu cực trong quá trình thực thi nhiệm vụ;

b) Xây dựng tổ chức bộ máy Cục Đăng kiểm Việt Nam, các Chi cục, Trung tâm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam vững mạnh;

c) Xây dựng mô hình tổ chức đăng kiểm hợp lý trong từng lĩnh vực đăng kiểm; xây dựng đội ngũ cán bộ, đăng kiểm viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm cao và đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao;

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động đăng kiểm, đặc biệt là đẩy nhanh việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị trong toàn ngành đăng kiểm;

đ) Bảo đảm các loại phương tiện giao thông vận tải, sản phẩm công nghiệp, công trình biển đáp ứng quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và quy định của điều ước quốc tế.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về thể chế và cải cách thủ tục hành chính

a) Về thể chế

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về đăng kiểm phù hợp với các luật, bộ luật liên quan, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về các lĩnh vực hoạt động đăng kiểm cần xây dựng mới, sửa đổi bổ sung trong năm 2014-2015 và giai đoạn tiếp theo tại Phụ lục 1 của Quyết định này.

b) Về cải cách thủ tục hành chính

- Rà soát thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hủy bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết hoặc đơn giản hóa tối đa các yếu tố cấu thành của thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm.

- Rà soát, xây dựng mới hoặc cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 đối với tất cả thủ tục hành chính và các quy trình giải quyết công việc thuộc phạm vi chức năng của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

a) Về tổ chức bộ máy

- Rà soát mô hình tổ chức trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, kiểm định xe ô tô đang lưu hành; xây dựng mô hình phù hợp trong giai đoạn trước mắt và lâu dài.

- Rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm, Chi cục thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam cho phù hợp, tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

- Tăng cường bộ phận chuyên trách thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam có chức năng nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chất lượng công tác đăng kiểm và phòng, chống tiêu cực.

b) Về nguồn nhân lực

- Xây dựng vị trí việc làm cho toàn bộ lĩnh vực đảng kiểm theo các giai đoạn phát triển (5 năm, 10 năm).

- Rà soát, xây dựng quy hoạch vị trí lãnh đạo các đơn vị đảng kiểm trong toàn ngành thuộc diện quản lý của Cục Đảng kiểm Việt Nam.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác luân chuyển công chức, viên chức giữ vị trí lãnh đạo hoặc đảng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ có vị trí tiếp xúc với khách hàng có thể nảy sinh tiêu cực.

- Xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng phát triển nguồn nhân lực thực hiện công tác thẩm tra, xác nhận và chứng nhận an toàn hệ thống cho đường sắt đô thị, tăng cường theo hướng giáo dục chính trị tư tưởng, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho các đảng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ; nâng cao chất lượng đầu vào và mở rộng nguồn nhân lực đào tạo đảng kiểm viên.

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công nhân viên chức ngành đảng kiểm.

3. Về kiểm tra, giám sát

a) Triển khai và duy trì thường xuyên hoạt động kiểm tra chất lượng công tác đảng kiểm và phòng, chống tiêu cực; trang bị các thiết bị chuyên dụng để hỗ trợ việc theo dõi, giám sát hoạt động đảng kiểm từ trụ sở Cục Đảng kiểm Việt Nam.

b) Duy trì đường dây nóng niêm yết tại các Trung tâm, Chi cục, đơn vị đảng kiểm để tiếp nhận và xử lý các phản ánh của khách hàng, người dân về công tác đảng kiểm.

c) Phối hợp chặt chẽ với lực lượng thanh tra giao thông vận tải, công an, cảnh vụ, cơ quan điều tra tai nạn giao thông trong việc kiểm tra, giám sát chủ phương tiện duy trì tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện giữa hai kỳ kiểm định.

d) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng công tác đảng kiểm, đặc biệt là việc hậu kiểm các phương tiện mới hoàn thành kiểm định để kịp thời phát hiện và có biện pháp chấn chỉnh, xử lý các sai phạm.

4. Về thi đua, tuyên truyền

a) Tổ chức phát động đợt vận động chính trị sâu rộng về đổi mới, nâng cao chất lượng và phòng, chống tiêu cực trong công tác đảng kiểm trong năm 2014-2015.

b) Phát huy vai trò của tổ chức đảng, công đoàn, đoàn thanh niên trong việc đổi mới, nâng cao chất lượng và phòng, chống tiêu cực trong lĩnh vực đảng kiểm.

c) Tăng cường công tác kiểm tra công vụ để phát hiện và xử lý các vụ việc tiêu cực, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và trách nhiệm của công chức, viên chức trong thi hành công vụ.

d) Phối hợp với các cơ quan báo chí tuyên truyền về hoạt động đăng kiểm; phản ánh những hiện tượng vi phạm của chủ phương tiện, cán bộ công chức, viên chức, đăng kiểm viên.

5. Về hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị; ứng dụng khoa học, công nghệ

a) Về hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị trong toàn ngành đăng kiểm. Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các thiết bị kiểm định mới để kiểm định các loại xe cơ giới đời mới.

- Xây dựng Trung tâm thử nghiệm ô tô có quy mô phù hợp theo các giai đoạn phát triển.

- Xây dựng Trung tâm kiểm định kiểu mẫu.

b) Về ứng dụng khoa học, công nghệ

- Xây dựng hệ thống camera đường truyền tốc độ cao để theo dõi các hoạt động từ văn phòng Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Xây dựng, nâng cấp các phần mềm ứng dụng hiện đại để quản lý, theo dõi, giám sát, phân tích dữ liệu, thẩm định thiết kế kỹ thuật bao gồm: phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, phần mềm quản lý đăng kiểm xe cơ giới, phần mềm thẩm định thiết kế xe cơ giới, phần mềm mô phỏng thử nghiệm độ bền khung xương, vỏ xe khách.

- Xây dựng các phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm.

- Xây dựng hệ thống bảo mật dữ liệu và hệ thống máy chủ an toàn, hiện đại cho toàn ngành đăng kiểm.

6. Về hợp tác quốc tế

a) Tham gia đầy đủ và sâu sắc hơn trong tất cả các hoạt động của Hiệp hội Đăng kiểm Châu Á (ACS), Hiệp hội quốc tế các tổ chức kiểm tra và phân cấp (TSCI), Hiệp hội quốc tế về kiểm định ô tô (CITA) và chuẩn bị các thủ tục, báo cáo Bộ Giao thông vận tải để trình Chính phủ gia nhập Hiệp định 1958 về ô tô.

b) Đẩy mạnh hợp tác song phương cùng có lợi với các tổ chức đăng kiểm lớn thuộc ACS và IACS. Hoàn thành ký kết hợp tác với Đăng kiểm Hàn quốc (KR) về công trình biển; chuẩn bị và triển khai có hiệu quả hai bộ Luật của IMO là RO và III Code.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kinh phí và thời gian thực hiện

a) Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp tại Quyết định này được xác định cho từng nhiệm vụ và giải pháp cụ thể.

- Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ và giải pháp thuộc trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam được lấy từ nguồn quỹ đầu tư phát triển của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ và giải pháp thuộc trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải được lấy từ nguồn của địa phương theo quy định của nhà nước.

- Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ và giải pháp thuộc trách nhiệm của các đơn vị xã hội hóa được lấy từ chủ đầu tư của các đơn vị xã hội hóa hoặc huy động bằng nhiều nguồn khác nhau.

b) Thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp cụ thể được xác định tại Phụ lục 2 của Quyết định này.

- Các nhiệm vụ và giải pháp khác được thực hiện thường xuyên, liên tục trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2020.

2. Phân công thực hiện

a) Cục Đăng kiểm Việt Nam

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Đề án trình Bộ phê duyệt.

- Báo cáo Bộ Giao thông vận tải về tình hình và kết quả triển khai thực hiện Đề án theo định kỳ 6 tháng/lần.

- Báo cáo Bộ Giao thông vận tải những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Đề án để kịp thời tháo gỡ, điều chỉnh.

b) Vụ Khoa học - Công nghệ

- Là đầu mối tham mưu Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án; chủ trì theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Đề án.

- Tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải tình hình triển khai thực hiện Đề án theo định kỳ 6 tháng/lần.

- Chủ trì, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải phê duyệt các nhiệm vụ khoa học công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Cục Đăng kiểm Việt Nam trình; hỗ trợ Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan trong nhiệm vụ và giải pháp về ứng dụng khoa học công nghệ.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp khác của Đề án.

c) Vụ Pháp chế

Chủ trì, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kế hoạch xây dựng, kiểm tra, rà soát hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực đăng kiểm do Cục Đăng kiểm Việt Nam trình; hỗ trợ Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan đến nhiệm vụ và giải pháp về thể chế và cải cách thủ tục hành chính.

d) Vụ Tổ chức cán bộ

Chủ trì, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải về công tác tổ chức cán bộ; hỗ trợ Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan đến nhiệm vụ, giải pháp về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực.

đ) Vụ Kế hoạch - Đầu tư

Chủ trì, tham mưu Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kế hoạch đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất; hỗ trợ Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan trong nhiệm vụ và giải pháp về hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị.

e) Vụ Tài chính

Chủ trì, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kế hoạch tài chính để hỗ trợ Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan trong nhiệm vụ và giải pháp về hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ.

g) Vụ Hợp tác quốc tế

Chủ trì, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải kế hoạch hợp tác quốc tế, tham gia các điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực đăng kiểm, hỗ trợ Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan trong nhiệm vụ và giải pháp về hợp tác quốc tế.

h) Thanh tra Bộ Giao thông vận tải

Chủ trì, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải về công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động đăng kiểm; hỗ trợ Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan trong nhiệm vụ và giải pháp về kiểm tra, giám sát và phòng, chống tiêu cực trong hoạt động đăng kiểm.

i) Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và Cục Đường sắt Việt Nam

Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung trong các nhiệm vụ và giải pháp liên quan đến lĩnh vực đăng kiểm phương tiện, thiết bị hàng hải, phương tiện thủy nội địa và phương tiện đường sắt.

k) Tổng cục Đường bộ Việt Nam

Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan trong các nhiệm vụ và giải pháp về lĩnh vực đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ.

l) Các Sở Giao thông vận tải

Chủ trì tổ chức kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất đối với các cơ sở đăng kiểm do Sở Giao thông vận tải quản lý việc thực hiện công tác đăng kiểm phương tiện tại địa phương.

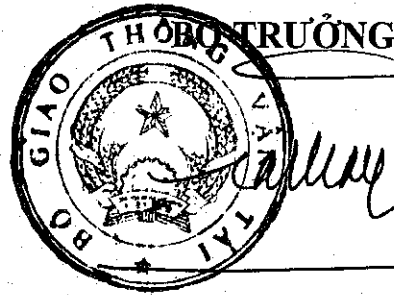
Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan trong các nhiệm vụ và giải pháp về lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, đăng kiểm xe cơ giới lưu hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

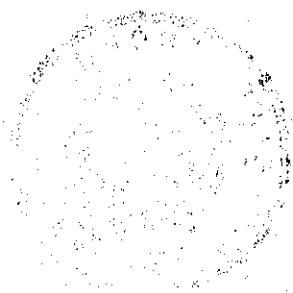
Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Đảng ủy Bộ GTVT;
- Trang TTĐT Bộ GTVT;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHCN.



Đinh La Thăng



PHỤ LỤC 1**Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần ban hành mới
hoặc bổ sung, sửa đổi**

(Kèm theo Quyết định số 3703/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 10 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian hoàn thành
I. Nghị định			
1	Nghị định của Chính phủ về niên hạn sử dụng đối với phương tiện thủy nội địa	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014
II. Thông tư			
2	Thông tư quy định về dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại 7 chỗ trở xuống	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014
3	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15/4/2011 ban hành quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014
4	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm soát tiếng ồn tàu biển	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014
5	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng du thuyền	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014
6	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép QCVN 21:2010/BGTVT (sửa đổi lần 2)	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014
7	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa vỏ gỗ	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014
8	Thông tư quy định về bảo dưỡng kỹ thuật, sửa chữa phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014
9	Thông tư về đào tạo đăng kiểm viên kiểm định phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sửa đổi hoặc thay thế Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24/09/2013)	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014

10	Thông tư quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (thay thế Thông tư 29/2012/TT-BGTVT)	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014
11	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xe ô tô khách thành phố phục vụ người khuyết tật	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014
12	Thông tư quy định về điều kiện, kiểm định xe 4 bánh chạy năng lượng điện và người điều khiển tham gia giao thông tại các địa phương được Thủ tướng Chính phủ cho phép thí điểm hoạt động	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014
13	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải cho xe mô tô 2 bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới – mức Euro 3	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014
14	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 4 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2015
15	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị cứu sinh dùng cho phương tiện thủy nội địa	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2015
III. Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật			
16	Tiêu chuẩn quốc gia về phương tiện giao thông cơ giới đường bộ - Độ bền của mô tô xe máy – Yêu cầu và phương pháp thử	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014
17	Tiêu chuẩn quốc gia về phương tiện giao thông cơ giới đường bộ - Độ tin cậy của mô tô xe máy – Yêu cầu và phương pháp thử	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014
18	Tiêu chuẩn quốc gia về đèn báo rẽ trên ô tô, rơ moóc, và sơ mi rơ moóc	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014
19	Tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật đối với xe điện bốn bánh	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2015
20	Tiêu chuẩn “Hệ thống đường sắt – Quy định yêu cầu về độ tin cậy, tính khả dụng, khả năng bảo dưỡng và độ an toàn (RAMS) – Phần 1”	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2015
21	Tiêu chuẩn “Hệ thống đường sắt – Quy	Cục Đăng kiểm	2015

	định yêu cầu về độ tin cậy, tính khả dụng, khả năng bảo dưỡng và độ an toàn (RAMS) – Phần 2”	Việt Nam	
22	Tiêu chuẩn “Hệ thống đường sắt – Quy định yêu cầu về độ tin cậy, tính khả dụng, khả năng bảo dưỡng và độ an toàn (RAMS) – Phần 3”	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2015
23	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện giao thông đường sắt – Giá chuyên hướng toa xe khách – Yêu cầu kỹ thuật khi sản xuất lắp ráp	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2015
24	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống nâng xếp xe ô tô	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2015



PHỤ LỤC 2

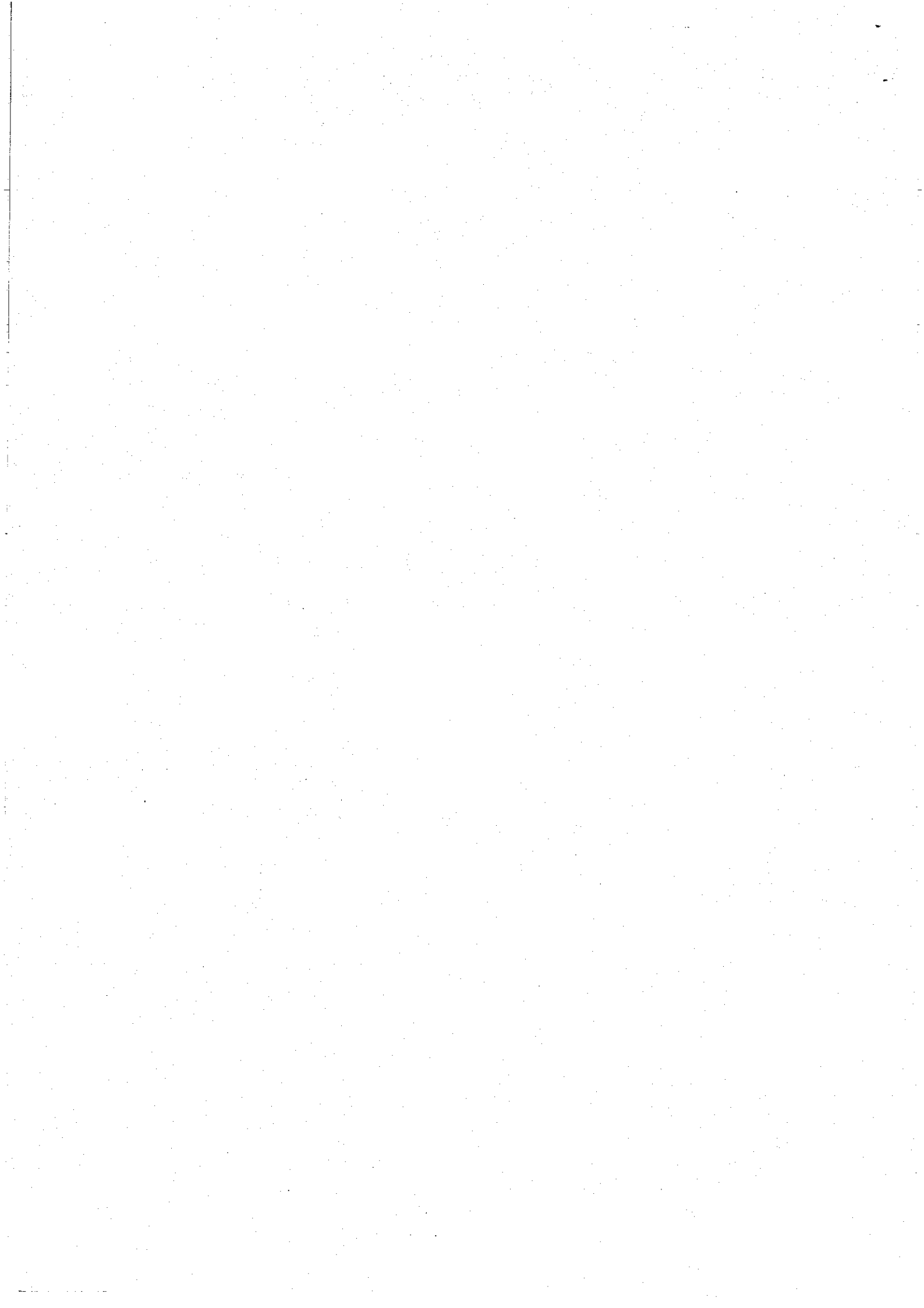
Thời hạn thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp

(Kèm theo Quyết định số 3703/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

ST T	Nhiệm vụ và giải pháp	Thời hạn hoàn thành
1. Về thể chế và cải cách thủ tục hành chính		
1.1	Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về đăng kiểm phù hợp với các luật, bộ luật liên quan, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên	2014 – 2015
1.2	Rà soát thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm	2014 – 2015
1.3	Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	2014 – 2015
1.4	Rà soát, xây dựng mới hoặc cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008	2014 – 2015
2. Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực		
2.1	Rà soát mô hình tổ chức trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, kiểm định ô tô đang lưu hành; đánh giá, đề xuất báo cáo Bộ Giao thông vận tải	2014 – 2015
2.2	Rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm, các đơn vị đăng kiểm cho phù hợp, tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ	2014 – 2015
2.3	Xây dựng vị trí việc làm cho toàn bộ lĩnh vực đăng kiểm theo các giai đoạn phát triển (5 năm, 10 năm)	2014 – 2015
2.4	Rà soát, xây dựng quy hoạch vị trí lãnh đạo các đơn vị đăng kiểm trong toàn ngành thuộc diện quản lý của Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014 – 2015
2.5	Xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác luân chuyển công chức, viên chức giữ vị trí lãnh đạo hoặc đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ có vị trí tiếp xúc với khách hàng có thể nảy sinh tiêu cực	2014 – 2015
2.6	Xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về đào tạo nguồn nhân lực theo hướng tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp	2014 – 2020
2.7	Nghiên cứu, đề xuất chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công nhân viên chức ngành đăng kiểm	2014 – 2015

3. Về kiểm tra, giám sát		
3.1	Triển khai và duy trì hoạt động thường xuyên của bộ phận chuyên trách kiểm tra chất lượng công tác đăng kiểm và phòng, chống tiêu cực; trang bị các thiết bị chuyên dùng cho bộ phận chuyên trách để theo dõi từ trụ sở cơ quan Cục Đăng kiểm Việt Nam nhằm giám sát hoạt động đăng kiểm	2014 – 2015
3.2	Duy trì đường dây nóng niêm yết tại các Trung tâm, Chi cục, đơn vị đăng kiểm để tiếp nhận và xử lý các phản ánh của khách hàng, người dân về công tác đăng kiểm	2014 – 2020
3.3	Phối hợp chặt chẽ với lực lượng thanh tra giao thông vận tải, công an, cảnh vụ, cơ quan điều tra tai nạn giao thông trong việc kiểm tra, giám sát chủ phương tiện duy trì tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện giữa hai kỳ kiểm định	2014 – 2020
3.4	Kiểm tra đột xuất đối với các cơ sở đăng kiểm, giám sát chất lượng công tác đăng kiểm, đặc biệt là việc hậu kiểm các phương tiện mới hoàn thành kiểm định để có biện pháp hiệu quả nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các sai phạm	2014 – 2020
4. Về thi đua, tuyên truyền		
4.1	Tổ chức phát động đợt vận động chính trị sâu rộng về đổi mới, nâng cao chất lượng và phòng, chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm trong năm 2014-2015	2014 – 2015
4.2	Phối hợp với các cơ quan báo chí tuyên truyền về hoạt động đăng kiểm; phản ánh những hiện tượng vi phạm của chủ phương tiện, cán bộ công chức, viên chức, đăng kiểm viên.	2014 – 2015
5. Về hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị; ứng dụng khoa học, công nghệ		
5.1	Hiện đại hóa cơ sở, vật chất, trang thiết bị trong toàn ngành đăng kiểm. Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các thiết bị kiểm định mới để kiểm định các loại xe cơ giới đời mới	2014 – 2016
5.2	Xây dựng trung tâm thử nghiệm ô tô có quy mô phù hợp theo các giai đoạn phát triển	2014 – 2020
5.3	Xây dựng hệ thống camera đường truyền tốc độ cao để theo dõi các hoạt động từ văn phòng Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014 – 2015

5.4	Xây dựng và nâng cấp các phần mềm ứng dụng hiện đại để quản lý, theo dõi, giám sát, phân tích dữ liệu, thẩm định thiết kế kỹ thuật, bao gồm: phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; phần mềm quản lý đăng kiểm xe cơ giới; phần mềm thẩm định thiết kế xe cơ giới; phần mềm mô phỏng thử nghiệm độ bền khung xương, vỏ xe khách	2014 – 2015
5.5	Xây dựng các phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm	2014 – 2016
5.6	Xây dựng Trung tâm kiểm định kiểu mẫu	2016 – 2020
5.7	Xây dựng hệ thống bảo mật dữ liệu và hệ thống máy chủ an toàn, hiện đại cho toàn ngành đăng kiểm	2016 – 2020
6. Về hợp tác quốc tế		
6.1	Tăng cường hợp tác, tham gia các hoạt động với các tổ chức, hiệp hội quốc tế về lĩnh vực tàu biển, xe cơ giới	2014 – 2020
6.2	Chuẩn bị, triển khai các Bộ luật quốc tế về lĩnh vực tàu biển, tham gia các Hiệp định quốc tế về xe cơ giới	2014 – 2020

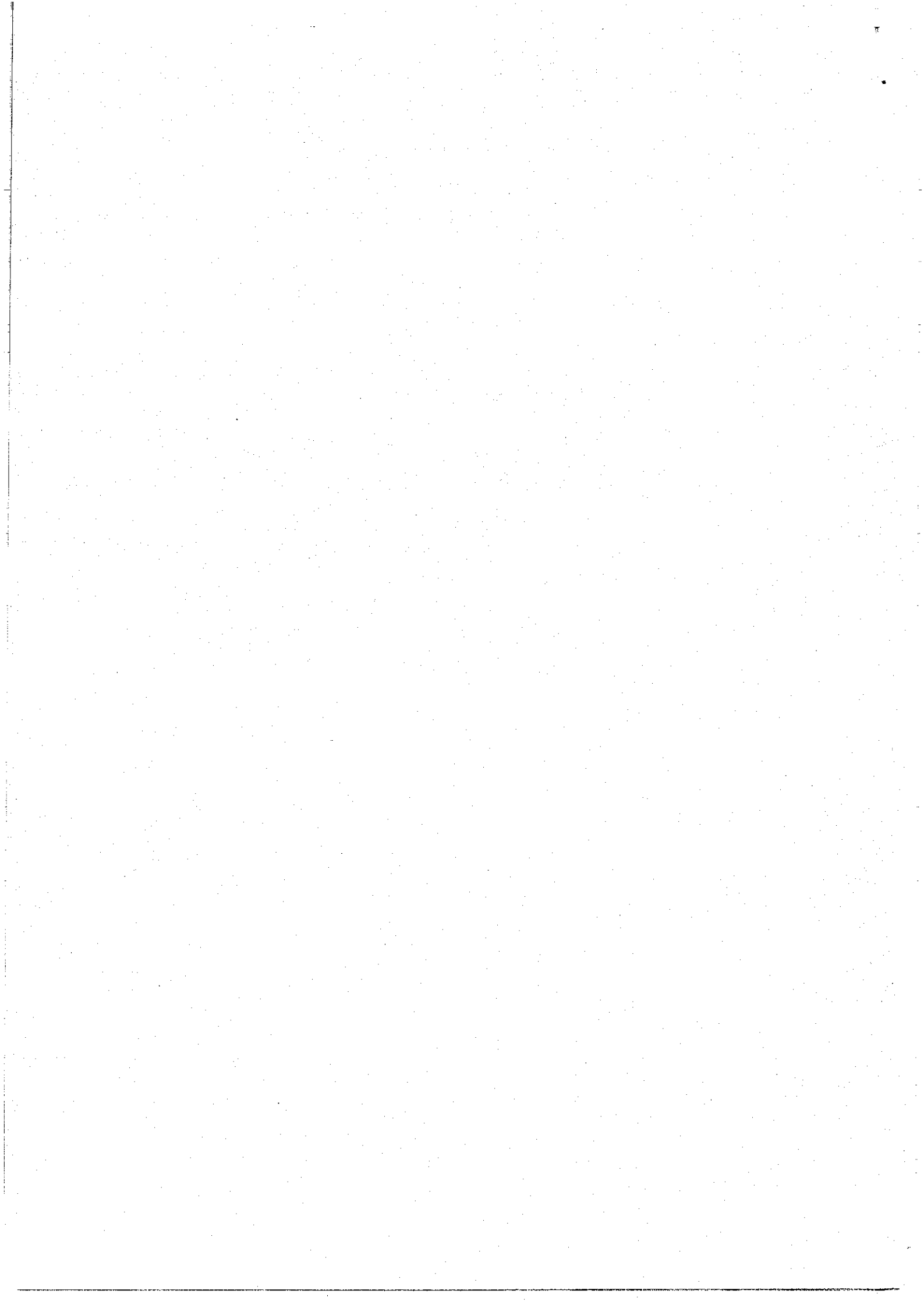


**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

ĐỀ ÁN

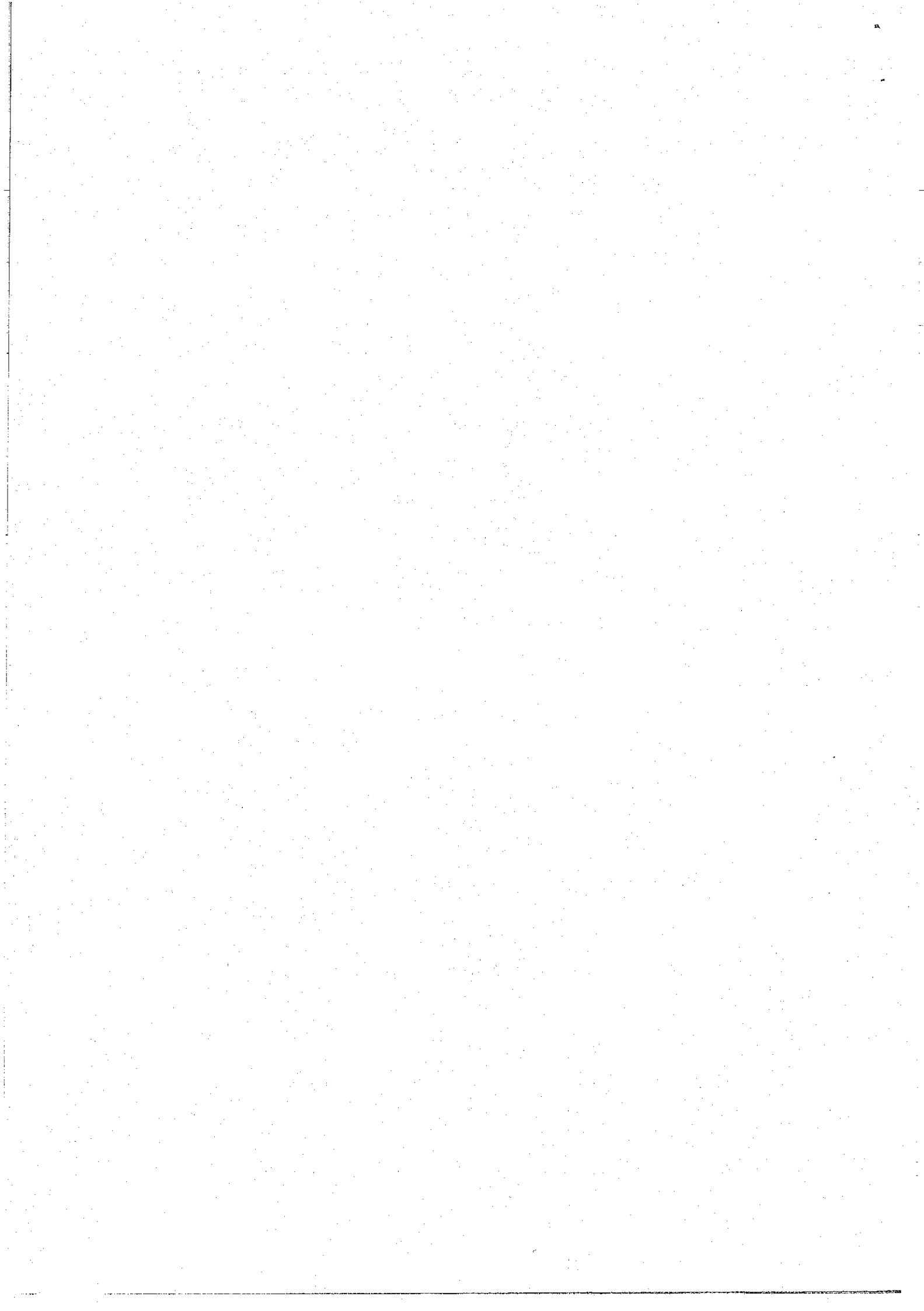
**ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG VÀ
PHÒNG, CHỐNG TIÊU CỰC TRONG CÔNG TÁC ĐĂNG KIỂM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3703/QĐ-BGTVT
ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*



MỤC LỤC

Chương I. MỞ ĐẦU	2
I. Sự cần thiết xây dựng Đề án	2
II. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án	3
III. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Đề án	3
IV. Mục tiêu của Đề án	4
Chương II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐĂNG KIỂM	5
I. Bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực thực hiện hoạt động đăng kiểm	5
II. Công tác xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về đăng kiểm và công tác cải cách thủ tục hành chính	6
III. Kết quả hoạt động đăng kiểm	7
IV. Đánh giá chung về hoạt động đăng kiểm	13
Chương III. NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ PHÒNG CHỐNG TIÊU CỰC TRONG CÔNG TÁC ĐĂNG KIỂM	19
I. Công tác đăng kiểm xe cơ giới	19
II. Công tác đăng kiểm tàu biển	20
III. Công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa	25
IV. Công tác đăng kiểm đường sắt	26
Chương IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHẪM ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ PHÒNG CHỐNG TIÊU CỰC TRONG CÔNG TÁC ĐĂNG KIỂM	26
I. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về thể chế và cải cách thủ tục hành chính	26
II. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực	27
III. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về kiểm tra, giám sát	29
IV. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về thi đua, tuyên truyền	30
V. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ	31
VI. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về hợp tác quốc tế	32
Chương V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	32



Chương I

MỞ ĐẦU

I. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Trong nhiều năm qua, Đảng, Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải đã quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết liệt nhiều giải pháp, trong đó có các giải pháp về công tác đăng kiểm nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, hạn chế tai nạn giao thông. Do đó công tác đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải đã có nhiều chuyển biến tích cực (số lượng tàu biển bị lưu giữ ở nước ngoài đã giảm, tỷ lệ phương tiện thủy nội địa thực hiện đăng kiểm tăng...). Tuy nhiên, kết quả đạt được trong công tác đăng kiểm chưa đáp ứng yêu cầu, còn tồn tại nhiều bất cập, tiêu cực, ảnh hưởng đến chất lượng an toàn kỹ thuật của phương tiện nói riêng và công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông nói chung, gây bức xúc trong dư luận xã hội và ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về giao thông vận tải. Việc đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đăng kiểm là nhiệm vụ cấp thiết nhằm bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật của phương tiện giao thông và góp phần bảo đảm an toàn giao thông.

Trong năm 2012 - 2013, Bộ Giao thông vận tải đã phê duyệt và triển khai thực hiện hai đề án liên quan đến chất lượng hoạt động đăng kiểm, đó là: Đề án Nâng cao chất lượng công tác đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông và ô nhiễm môi trường và Đề án Đưa đội tàu biển Việt Nam ra khỏi danh sách đen của Tokyo-MOU vào cuối năm 2014. Tuy nhiên, hai Đề án này có nội dung và phạm vi hẹp, chưa bao quát tất cả các lĩnh vực hoạt động đăng kiểm. Cụ thể là chưa đề cập tới hoạt động đăng kiểm xe cơ giới sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu; đăng kiểm tàu biển, sản phẩm công nghiệp và công trình dầu khí biển (chất lượng hoạt động đăng kiểm tàu biển, sản phẩm công nghiệp, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn công trình dầu khí biển); đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt.

Ngày 13 tháng 3 năm 2014, Bộ Giao thông vận tải đã tổ chức hội nghị về nâng cao chất lượng công tác đăng kiểm. Kết luận hội nghị, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã chỉ đạo phải xem xét toàn diện các lĩnh vực hoạt động đăng kiểm để đổi mới, nâng cao chất lượng và phòng, chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm.

Ngày 12 tháng 4 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 08/CT-TTg về các giải pháp cấp bách để nâng cao chất lượng và chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải, trong đó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Giao thông vận tải thực hiện rất nhiều giải pháp nhằm đổi

mới, nâng cao chất lượng và chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm phương tiện giao thông.

Như vậy, việc nghiên cứu xây dựng Đề án “**Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động và phòng, chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm**” là thực sự cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

II. Căn cứ xây dựng Đề án

- Quyết định số 1306/QĐ-BGTVT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc bổ sung chương trình xây dựng đề án chiến lược, quy hoạch, đề án khác của Bộ Giao thông vận tải năm 2014.

- Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 12/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp cấp bách để nâng cao chất lượng và chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải.

- Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 19/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh phòng, chống tiêu cực trong công tác quản lý công chức, viên chức và thi đua khen thưởng.

- Chỉ thị số 07/CT-BGTVT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương lao động, nâng cao đạo đức công vụ đối với công chức, viên chức.

- Chỉ thị số 09/CT-BGTVT ngày 24/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc tăng cường các biện pháp nhằm giảm thiểu tàu biển Việt Nam bị lưu giữ PSC ở nước ngoài.

- Chỉ thị số 12/CT-BGTVT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, thi, cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên để góp phần bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

- Công điện của Ủy ban An toàn giao thông quốc gia ngày 05/5/2014 về việc tăng cường kiểm soát tải trọng phương tiện vận tải hàng hóa trên đường bộ.

- Thông báo số 239/TB-BGTVT ngày 17/3/2014 của Bộ Giao thông vận tải.

- Thông báo số 534/TB-BGTVT ngày 03/6/2014 của Bộ Giao thông vận tải.

- Thông báo số 724/TB-BGTVT ngày 18/7/2014 của Bộ Giao thông vận tải.

- Văn bản số 181/VP ngày 27/8/2014 của Văn phòng Bộ Giao thông vận tải.

III. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Đề án

1. Đối tượng của Đề án

Đối tượng nghiên cứu của Đề án là tất cả các hoạt động đăng kiểm, bao gồm: đăng kiểm tàu biển và công trình dầu khí biển, đăng kiểm phương tiện

thủy nội địa, đăng kiểm sản phẩm công nghiệp, đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ (kiểm định xe đang lưu hành; quản lý chất lượng xe sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu), đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt.

2. Phạm vi nghiên cứu của Đề án

Đề án nghiên cứu thực trạng về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đăng kiểm; mô hình tổ chức và nguồn nhân lực thực hiện hoạt động đăng kiểm; kết quả hoạt động các lĩnh vực đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải. Trên cơ sở đánh giá tồn tại, phân tích nguyên nhân sẽ đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng, phòng chống tiêu cực trong hoạt động đăng kiểm.

IV. Mục tiêu của Đề án

1. Mục tiêu chung

Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động đăng kiểm; giảm thiểu tối đa tiêu cực trong tất cả các hoạt động đăng kiểm; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại đáp ứng được quá trình hội nhập quốc tế và yêu cầu của hoạt động đăng kiểm.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tổ chức hoạt động đăng kiểm theo hướng bảo đảm tính công khai, minh bạch, kỷ luật, kỷ cương và giảm thiểu sai sót; hạn chế tối đa tiêu cực trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

- Xây dựng tổ chức bộ máy Cục Đăng kiểm Việt Nam, các Chi cục, Trung tâm thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam vững mạnh, tổ chức bộ máy chuyên sâu, tinh gọn và chuyên nghiệp đáp ứng với yêu cầu thực tiễn; có năng lực tổ chức, điều hành tốt các hoạt động đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Xây dựng mô hình tổ chức đăng kiểm hợp lý trong từng lĩnh vực đăng kiểm; xây dựng đội ngũ cán bộ, đăng kiểm viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm cao và đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động đăng kiểm, đặc biệt là đẩy nhanh việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị trong toàn ngành Đăng kiểm.

- Bảo đảm các loại phương tiện giao thông vận tải, sản phẩm công nghiệp, công trình biển đáp ứng quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và quy định của điều ước quốc tế.

Chương II

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐĂNG KIỂM

I. Bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực thực hiện hoạt động đăng kiểm

Cục Đăng kiểm Việt Nam là tổ chức trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đăng kiểm đối với phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng, công-ten-nơ, nôi hoi, bình chịu áp lực sử dụng trong giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải trong phạm vi cả nước. Ngoài ra, Cục Đăng kiểm Việt Nam còn được Bộ Giao thông vận tải giao tổ chức thực hiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với các loại phương tiện giao thông vận tải và trang, thiết bị sử dụng trong giao thông vận tải; tổ chức thực hiện công tác đăng kiểm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường các loại phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển theo quy định của pháp luật.

Đội ngũ cán bộ, nhân viên của Cục Đăng kiểm Việt Nam phần lớn có trình độ chuyên môn cao. Do nhu cầu công việc đòi hỏi, đa phần cán bộ, nhân viên có trình độ đại học trở lên, được trang bị kiến thức quản lý, ngoại ngữ, tin học, tuân thủ các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật và thực hiện công việc được giao theo hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001.

Tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2014, Cơ cấu tổ chức Cục Đăng kiểm Việt Nam gồm 16 Phòng, 05 Trung tâm tham mưu giúp việc cho Cục trưởng. Tổng số cán bộ, nhân viên của Cục Đăng kiểm Việt Nam là 1215 (trong đó có 263 nữ), số lượng đảng viên là 330 đảng viên (40 nữ); trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng trở lên: 959 người, trong đó (90 tiến sĩ và thạc sĩ, 869 kỹ sư chuyên ngành kỹ thuật, kinh tế, pháp lý); trình độ chuyên môn trung cấp trở xuống: 256 người. Số cán bộ, nhân viên thuộc cơ quan Cục Đăng kiểm Việt Nam là 269 người, trong đó nữ là 69 người. Bộ máy trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam trực tiếp thực hiện hoạt động đăng kiểm bao gồm 40 chi cục, trung tâm đăng kiểm.

Các Sở Giao thông vận tải được phân cấp tổ chức quản lý đối với các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới và đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Tính đến ngày 31/8/2014, bộ máy thực hiện hoạt động đăng kiểm do các Sở Giao thông vận tải trực tiếp quản lý, Cục Đăng kiểm Việt Nam chỉ đạo chuyên môn kỹ thuật bao gồm 73 đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (trong đó 60 đơn vị trực thuộc các Sở Giao thông vận tải, 13 đơn vị xã hội hóa) và 31 đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Công tác đào tạo và công nhận đăng kiểm viên đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng được nhu cầu đăng kiểm trên phạm vi cả nước. Hiện cả nước có 1442 đăng kiểm viên, trong đó:

- Đăng kiểm viên tàu biển và công trình biển: 172 người;
- Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa: 410 người;
- Đăng kiểm viên xe cơ giới: 823 người (trong đó, kiểm định xe cơ giới: 750 người; chất lượng xe cơ giới: 43 người; thử nghiệm xe cơ giới: 30 người);
- Đăng kiểm viên đường sắt: 25 người;
- Đánh giá viên ISM, ISPS, ISO, MLC: 30 người.

Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-BGTVT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã và đang tổ chức thực hiện đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, thi, cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên. Từ đầu năm 2014 đến nay, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã gửi 02 văn bản đến các đơn vị đăng kiểm trong toàn quốc (kể cả các đơn vị trực thuộc Sở Giao thông vận tải và đơn vị đăng kiểm xã hội hóa) để tiếp nhận các nhu cầu đào tạo đăng kiểm viên và đã thực hiện đào tạo được 04 lớp đăng kiểm viên mới cho 128 người, đào tạo lại 02 lớp cho 58 đăng kiểm viên và tổ chức kiểm tra thực hành để kết thúc 03 lớp đăng kiểm viên được tổ chức từ cuối năm 2013 cho 99 người. Đến nay, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã tổ chức đào tạo, đáp ứng được hết các nhu cầu đào tạo đăng kiểm viên của các đơn vị đăng kiểm trong toàn quốc và sẵn sàng tiếp tục đào tạo khi nhận được nhu cầu đào tạo bổ sung của các đơn vị.

II. Công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về đăng kiểm; công tác cải cách thủ tục hành chính

Trong giai đoạn 2004 – 2009, Bộ Giao thông vận tải đã xây dựng đề Chính phủ trình Quốc hội thông qua 04 luật, bộ luật chuyên ngành (Luật Giao thông đường bộ, Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật Đường sắt); tham gia ý kiến để xây dựng các luật có liên quan như Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Triển khai thi hành quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và quy định của các luật, bộ luật liên quan đến công tác đăng kiểm, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã xây dựng, trình Bộ Giao thông vận tải ban hành 52 văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành đối với hoạt động đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về hoạt động đăng kiểm tại Phụ lục 1 của Đề án này.

Bộ Giao thông vận tải đã giao nhiệm vụ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc xây dựng, chuyển đổi 68 tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện giao thông vận tải. Trong năm 2014, tiếp tục thực hiện việc xây dựng, chuyển đổi 10 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) và 07 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN).

Các văn bản quy phạm pháp luật sau khi ban hành đã được Bộ Giao thông vận tải, Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau đến các đối tượng thực hiện, đặc biệt là các doanh nghiệp, chủ phương tiện và người khai thác vận tải; tổ chức hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, đăng kiểm viên trực tiếp thực hiện công tác đăng kiểm.

Thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã rà soát để đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, loại bỏ các thủ tục không cần thiết; giảm hồ sơ giấy tờ, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính... nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp. Các thủ tục hành chính sau khi được sửa đổi, bổ sung đã được cập nhật, công bố công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính để người dân, doanh nghiệp dễ dàng tra cứu, tìm hiểu khi có nhu cầu.

III. Kết quả hoạt động đăng kiểm

Về cơ bản trong những năm qua, công tác chuyên môn nghiệp vụ trong các lĩnh vực đăng kiểm đều phát triển, có các lĩnh vực đã vươn ra tầm quốc tế, khu vực góp phần vào thành công chung của toàn ngành giao thông vận tải; đó là các công tác: đăng kiểm tàu biển, giám sát kỹ thuật công trình dầu khí biển, kiểm tra chất lượng sản phẩm công nghiệp, đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, đăng kiểm xe cơ giới (đang lưu hành và sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu), thử nghiệm xe cơ giới (an toàn, khí thải), đăng kiểm đường sắt.

1. Công tác đăng kiểm tàu biển

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, công tác đăng kiểm tàu biển hoàn toàn do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức thực hiện (không phân cấp cho các Sở Giao thông vận tải).

Đội tàu biển Việt Nam đến nay gồm có 1.623 tàu với tổng trọng tải là 7,02 triệu tấn, tổng dung tích là 4,3 triệu GT. Đa số tàu biển trong đội tàu Việt Nam là tàu chở hàng tổng hợp, già cũ và lạc hậu; số lượng tàu chuyên dùng chở dầu, hóa chất, khí hóa lỏng, công-ten-nơ, dịch vụ dầu khí... không nhiều. Số lượng tàu biển có tổng dung tích từ 500 GT trở lên hoạt động tuyến quốc tế đã giảm đáng kể so với trước năm 2010, hiện nay còn 380 tàu (trong giai đoạn 2008-2010 con số này là trên 500 tàu). Số lượng các doanh nghiệp quản lý tàu hoạt động

tuyên quốc tế cũng giảm khá nhiều so với trước đây, hiện tại còn 170 doanh nghiệp. Bên cạnh đó, có khoảng 70 tàu thuộc sở hữu của các doanh nghiệp Việt Nam nhưng mang cờ quốc tịch nước ngoài; phần lớn trong số này là các tàu cũ, không đủ điều kiện đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam.

Công tác đăng kiểm tàu biển trong những năm qua đã có bước tiến vượt bậc, đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành công nghiệp đóng tàu và vận tải biển. Về cơ bản, đội tàu biển Việt Nam đáp ứng thỏa mãn tất cả các quy định về an toàn và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Từ năm 2009 đến năm 2013, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã thực hiện 9.949 lượt kiểm tra tàu biển các loại, trong đó có 381 tàu biển đóng mới, 509 tàu biển hoán cải.

Trong công tác thẩm định thiết kế tàu biển, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã liên tục cải tiến thủ tục, quy trình theo hướng tiên tiến, tiếp cận được với các quy trình, thủ tục của các tổ chức đăng kiểm quốc tế và có ứng dụng công nghệ thông tin. Hiện nay, Cục Đăng kiểm Việt Nam đang sử dụng hữu hiệu các phần mềm thẩm định thiết kế tàu biển như IPCA, NAPA, SeaTrust-CSR. Ngoài ra, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã tự phát triển và sử dụng phần mềm quản lý công tác thẩm định thiết kế, nhờ đó công tác quản lý thiết kế chi tiết đến từng bản vẽ, từng nội dung khuyến nghị... đã được thực hiện một cách tiên tiến, chuyên nghiệp rút ngắn được thời gian thẩm định.

Các tàu đơn cấp điển hình mà Cục Đăng kiểm Việt Nam đã thẩm định thiết kế bao gồm tàu chở hàng rời 20.000 DWT, các loại tàu chở hàng tổng hợp 22.500 DWT, 12.500 DWT, tàu dầu trọng tải 5.200 DWT, tàu chở nhựa đường 2.000 DWT, tàu công te nơ 250 TEU, tàu khách cao tốc 2 thân- 211 khách, tàu khách cao tốc 262 khách. Đối với các tàu lưỡng cấp, phần thẩm định theo Luật, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã thẩm định các loại tàu công te nơ 1800 TEU, tàu hàng rời 53.000 DWT, tàu chở dầu thô 104.000 DWT.

Tính từ 01 tháng 01 năm 2009 đến nay, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã thẩm định được 337 thiết kế tàu biển, tuy nhiên, phần lớn là các tàu nhỏ, có công dụng đặc biệt như loại các tàu cứu nạn, tàu kéo. Trong số đó, có 40 tàu chở dầu, trọng tải lớn nhất là 9.200 DWT (04 tàu), 14 tàu có trọng tải 5.000 DWT. Trong số các tàu chở hàng tổng hợp, tàu lớn nhất có trọng tải 12.500 DWT (01 tàu), 02 tàu 10.000 DWT, 02 tàu 72.000 DWT, 16 tàu 5.000 DWT. Các thiết kế tàu khách được thẩm định bao gồm 28 tàu, trong đó điển hình là 03 tàu khách/ro-ro chở 390 khách.

Thực hiện Chỉ thị số 09/CT-BGTVT ngày 24/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc tăng cường các biện pháp nhằm giảm thiểu tàu biển

Việt Nam bị lưu giữ PSC ở nước ngoài, với sự cố gắng của các bên liên quan, trong thời gian vừa qua Việt Nam đã đạt được kết quả mang tính đột phá trong việc giảm tàu bị lưu giữ PSC từ 6,88% năm 2012 xuống 6,13% năm 2013. Ngày 02 tháng 5 năm 2013, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ký Quyết định số 1133/QĐ-BGTVT phê duyệt “Đề án đưa đội tàu biển Việt Nam ra khỏi danh sách đen của Tokyo-MOU vào cuối năm 2014”. Cục Đăng kiểm Việt Nam và các cơ quan liên quan đang tích cực triển khai thực hiện để đạt được mục tiêu của Đề án này.

2. Công tác giám sát kỹ thuật công trình dầu khí biển

Tương tự như đăng kiểm tàu biển, công tác đăng kiểm công trình biển hoàn toàn do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức thực hiện. Tổng số công trình biển trong khai thác là 178 công trình, trong đó có 10 giàn di động, 08 kho chứa nổi, 71 hệ thống đường ống biển (trên 1000 km), 78 giàn cố định, 11 phao neo các loại. Các công trình biển mang cấp của Đăng kiểm Việt Nam được kiểm tra theo đúng quy định quy phạm và các công ước quốc tế, được kiểm soát chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong chế tạo, lắp đặt và vận hành, hoạt động với độ tin cậy cao và an toàn.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực đăng kiểm công trình biển, hệ thống Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) và Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về công trình biển đã được ban hành và công bố tương đối đầy đủ cho cả 5 đối tượng là giàn cố định, giàn di động, kho chứa nổi, đường ống biển và phao neo, trong đó có quy định về tất cả các khía cạnh của quá trình phân cấp (thẩm định thiết kế, kiểm tra trong chế tạo mới, kiểm tra trong khai thác).

Hệ thống hướng dẫn giám sát kỹ thuật cho đăng kiểm viên đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành khá đầy đủ cho cả 5 đối tượng là giàn cố định, giàn di động, kho chứa nổi, đường ống biển và phao neo, bao gồm các hướng dẫn về cấp hồ sơ đăng kiểm, hướng dẫn kiểm tra công trình biển (CTB) trong khai thác và trong chế tạo mới để cấp và duy trì hiệu lực của các giấy chứng nhận.

Các phương tiện, thiết bị thăm dò khai thác dầu khí biển hoạt động tại Việt Nam được Cục Đăng kiểm Việt Nam thẩm định thiết kế, kiểm tra trong chế tạo mới/ hoán cải, kiểm tra trong quá trình khai thác để cấp các giấy chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phù hợp với quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các quy định quốc gia theo các thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường quy định tại Thông tư số 33/2011/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Thiết kế các công trình dầu khí thường được thực hiện bởi các Công ty thiết kế nước ngoài có nhiều kinh nghiệm và được chủ đầu tư xem xét,

theo dõi chặt chẽ nên thiết kế của các công trình dầu khí biển luôn đạt chất lượng tốt, đảm bảo an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường. Các phương tiện, thiết bị được Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp giấy chứng nhận đều đang vận hành với độ tin cậy cao về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

3. Công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa

Khác với đăng kiểm tàu biển, hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa do Cục Đăng kiểm Việt Nam và Sở Giao thông vận tải cùng tổ chức thực hiện theo phân cấp của Bộ Giao thông vận tải. Tuy nhiên, không phải tất cả các tỉnh đều tổ chức lực lượng đăng kiểm để thực hiện hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy thuộc phạm vi phân cấp. Hiện nay, Cục Đăng kiểm Việt Nam đang đảm nhiệm đăng kiểm toàn bộ phương tiện thủy nội địa cỡ nhỏ cho 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Ngoài ra, Cục Đăng kiểm Việt Nam đang hỗ trợ công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa cỡ nhỏ cho 8 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.

Tính đến tháng 6/2014 số phương tiện thủy nội địa đã thực hiện đăng kiểm là 272.075, đạt 60,8% tổng số phương tiện phải đăng kiểm, tăng 4,8% so với số lượng phương tiện thực hiện đăng kiểm trước khi có đề án "Nâng cao chất lượng công tác đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông và ô nhiễm môi trường năm 2012"

Nhìn chung, chất lượng phương tiện thủy nội địa đóng mới, khai thác đạt yêu cầu kỹ thuật. Công tác giám sát kỹ thuật, đăng kiểm tàu đang khai thác đã có nhiều tiến bộ, nhiều đơn vị đã kiểm soát được các phương tiện đến hạn đăng kiểm nhưng chưa đăng kiểm hoặc không đến kiểm tra, đã chủ động thông kê, thông báo bằng văn bản đến các cơ quan chức năng, đến từng chủ tàu. Chất lượng phương tiện thủy nội địa đang khai thác được đăng kiểm giám sát kỹ thuật đã tốt hơn nhiều, tai nạn giao thông đường thủy nội địa giảm hẳn. Tuy nhiên, việc kiểm tra, giám sát kỹ thuật, định hạn hoạt động cho phương tiện đang khai thác còn có đơn vị đăng kiểm, đăng kiểm viên thực hiện chưa nghiêm túc, chưa đúng các quy định.

4. Công tác đăng kiểm xe cơ giới

a) Công tác đăng kiểm xe cơ giới đang lưu hành

Đăng kiểm xe cơ giới đang lưu hành do các đơn vị đăng kiểm thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải và tổ chức, cá nhân khác (đơn vị xã hội hóa) thực hiện.

Mạng lưới các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới tiếp tục phát triển, hiện có 91 đơn vị với 112 chi nhánh, 214 dây chuyên kiểm định (100% cơ giới hóa) trên 63 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Tính đến hết tháng 02/2014, số lượng xe cơ giới đã vào kiểm định là 1.677.009 xe, trong đó có 814.899 xe con (dưới 10 chỗ); 107.322 xe chở người từ 10 chỗ trở lên; 690.563 xe tải các loại; trên 60.000 xe chuyên dùng và các loại xe khác.

Thực hiện Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ quy định về niên hạn sử dụng của ô tô chở hàng và ô tô chở người, tính đến ngày 31/12/2013, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã rà soát và loại bỏ các xe cơ giới hết niên hạn sử dụng theo quy định với tổng số là 99.568 xe, trong đó có 36.811 xe chở người và 62.757 xe chở hàng.

Chủ trương xã hội hóa đăng kiểm xe cơ giới trong những năm qua đã huy động nguồn vốn tiềm năng của xã hội đầu tư cho hoạt động đăng kiểm nhằm đáp ứng nhu cầu kiểm định do tăng trưởng phương tiện, giảm bớt gánh nặng cho ngân sách Nhà nước; đồng thời đổi mới, nâng cao chất lượng kiểm định, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho chủ phương tiện, tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh, phát huy vai trò làm chủ của người lao động và giám sát của nhà đầu tư trong hoạt động kiểm định. Hiện nay, có tổng số 13 trung tâm đăng kiểm theo hình thức xã hội hóa (15 chi nhánh), chiếm 14% tổng số trung tâm đăng kiểm trên cả nước. Tuy nhiên, việc xã hội hóa các trung tâm đăng kiểm chủ yếu là ở khu vực các thành phố với lượng phương tiện đăng kiểm lớn.

Quá trình triển khai thí điểm xã hội hóa hoạt động kiểm định xe cơ giới thời gian vừa qua cũng còn bộc lộ một số tồn tại như: khu vực vùng sâu, vùng xa rất cần nhưng lại không được tư nhân quan tâm đầu tư; hoạt động kiểm định không thực hiện đúng, đủ quy trình kiểm định; thông tin, dữ liệu về phương tiện và chủ phương tiện không được các Trung tâm xã hội hóa bảo quản, để lộ hoặc cung cấp ra ngoài với mục đích tư lợi.

Sau một thời gian triển khai thí điểm với những tồn tại như trên, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã chủ động đề xuất (Bộ Giao thông vận tải đã chấp thuận) và triển khai thí điểm xã hội hóa công tác đăng kiểm ô tô đang lưu hành theo phương án mới: Doanh nghiệp đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, còn nhân lực là do Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc các Sở Giao thông vận tải bố trí và quản lý.

Việc thực hiện thí điểm một số Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới xã hội hóa theo mô hình mới bước đầu cho thấy hướng đi phù hợp của việc xã hội hóa công

tác đăng kiểm ô tô đang lưu hành trong giai đoạn hiện nay. Mô hình mới đã cơ bản đạt được những mục tiêu đề ra.

Nhìn chung hệ thống kiểm định xe cơ giới hoạt động bình thường, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và yêu cầu quản lý an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện. Thống kê, báo cáo kịp thời các yêu cầu của cơ quan chức năng tại Trung ương và địa phương. Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý phương tiện đã giúp cho công tác quản lý chính xác, giúp xử lý các xe có vi phạm. Đầu tư thêm thiết bị kiểm định dây chuyền kiểm định mới hiện đại, chính xác. Công tác phối hợp với cơ quan chức năng tại trung ương và địa phương để tổ chức các đội kiểm tra liên ngành vẫn được duy trì, góp phần tuyên truyền, xử lý các lái xe, chủ xe đưa phương tiện vi phạm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông.

b) Công tác kiểm tra chất lượng xe cơ giới

- Tính đến ngày 31/8/2014, đã kiểm tra và chứng nhận chất lượng cho mô tô, xe gắn máy: Xe sản xuất, lắp ráp gồm 06 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và 17 doanh nghiệp trong nước với số lượng là 36.937.122 xe; xe nhập khẩu là 742.157 xe.

- Kiểm tra và chứng nhận chất lượng cho ô tô, rơ moóc và sơ mi rơ moóc: Xe sản xuất, lắp ráp: 21 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và 103 doanh nghiệp trong nước (46 doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp xe từ linh kiện rời) với số lượng là 1.167.410 xe; Xe nhập khẩu: 495.226 xe.

- Xe máy chuyên dùng nhập khẩu: 152.795 xe.

- Đánh giá và chứng nhận cho 70 thương nhân nhập khẩu với 163 cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

c) Công tác thử nghiệm xe cơ giới

Công tác thử nghiệm xe cơ giới đã đạt được nhiều kết quả quan trọng như: về thử nghiệm xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc lắp ráp từ linh kiện rời và các loại xe chở khách, ô tô nhập khẩu: đã thử nghiệm và cấp ra 701 báo cáo, đạt 117% (701/600); Thử nghiệm linh kiện xe ô tô: thử nghiệm và cấp ra 120 báo cáo thử nghiệm cho linh kiện, đạt 120% (120/100); Thử nghiệm xe mô tô, xe gắn máy: thử nghiệm và cấp ra 345 báo cáo, đạt 99% (345/350); Thử nghiệm linh kiện xe mô tô, xe gắn máy: thử nghiệm và cấp ra 781 báo cáo cho linh kiện, đạt 130% (781/600); Thử nghiệm vật liệu: thử nghiệm và cấp ra 91 báo cáo đạt 121% (91/75).

Trong năm qua đã thử nghiệm khí xả cho 213 mô tô, 171 ô tô hạng nhẹ, 103 động cơ, tổng số xe và động cơ thử nghiệm là 487 chiếc.

5. Công tác đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt

Tính đến ngày 31/8/2014, Công tác đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt hoàn toàn do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức thực hiện. Số lượng phương tiện thiết bị đường sắt đang sử dụng và kiểm định định kỳ gồm: 394 đầu máy, 6.993 toa xe, 97 phương tiện chuyên dùng, 8.730 thiết bị áp lực và 175 thiết bị nâng. Trong những năm qua, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã kiểm định 46.282 lượt phương tiện, đảm bảo an toàn không có tai nạn nào xảy ra do nguyên nhân về chất lượng an toàn kỹ thuật của phương tiện.

Công tác kiểm tra, chứng nhận an toàn kỹ thuật cho phương tiện, thiết bị đường sắt đã góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an toàn chạy tàu và sản xuất kinh doanh vận tải của các doanh nghiệp. Chất lượng kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu về mặt chất lượng an toàn kỹ thuật của phương tiện, thiết bị trong quá trình khai thác.

6. Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm công nghiệp

Trong 5 năm qua, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã tổ chức thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra và chứng nhận các loại máy, vật liệu, trang thiết bị, nồi hơi, bình chịu áp lực, thiết bị nâng, công-ten-nơ... sử dụng trong chế tạo, sửa chữa các phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và dầu khí biển theo đúng các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế liên quan. Công tác này không chỉ thực hiện ở trong nước, mà còn được tiến hành ngay tại các nhà máy sản xuất sản phẩm, thiết bị ở nước ngoài. Hoạt động này đã góp phần rất lớn vào việc thúc đẩy sản xuất sản phẩm công nghiệp giao thông vận tải trong nước phát triển, là rào cản không cho các sản phẩm kém chất lượng của nước ngoài tràn vào Việt Nam, đổi mới, nâng cao chất lượng các phương tiện giao thông vận tải và dầu khí biển được đóng mới, hoán cải, sửa chữa trong nước.

IV. Đánh giá chung về hoạt động đăng kiểm

1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; cải cách thủ tục hành chính

Các văn bản quy phạm pháp luật về đăng kiểm tương đối đầy đủ trong tất cả các lĩnh vực đăng kiểm. Tuy nhiên, chất lượng văn bản quy phạm pháp luật còn bất cập, một số quy định chưa phù hợp với tình hình thực tế nên dẫn đến tình trạng vướng mắc khi thực hiện, đặc biệt là các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ. Một số lĩnh vực chưa có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh như chưa có văn bản quy định về quản lý an toàn đường sắt đô thị, niên hạn sử dụng phương tiện thủy nội địa,

quản lý cơ sở đóng mới, sửa chữa, quản lý xe tải dưới 10 tấn; quản lý chặt về an toàn kỹ thuật đối với xe khách chạy đường dài, xe giường nằm...

Nguyên nhân của tình trạng trên là do chưa cập nhật kịp thời với các diễn biến của đời sống xã hội, do đó các văn bản quy phạm pháp luật chậm bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành mới để điều chỉnh kịp thời các vấn đề phát sinh.

Việc xây dựng chuyên đổi tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chưa đạt tiến độ; mặc dù thực hiện đúng trình tự thủ tục trong quá trình xây dựng mới, chuyên đổi nhưng khi có hiệu lực vẫn có điểm áp dụng vào thực tế còn bị vướng.

Công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật đã được chú trọng bằng nhiều hình thức nhưng thực sự chưa có hiệu quả, dẫn đến có những quy chuẩn kỹ thuật có hiệu lực áp dụng mà vẫn còn tình trạng doanh nghiệp, người dân không biết có sự tồn tại của các quy định này.

Công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm đã được chú trọng, thường xuyên rà soát, nhằm giảm bớt các thủ tục không cần thiết đối với các cá nhân, doanh nghiệp. Lập danh mục thủ tục hành chính công bố công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tìm hiểu trước khi thực hiện. Tuy nhiên, vẫn còn những thủ tục hành chính rườm rà, chưa có thủ tục hành chính nào được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3,4 để tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp để giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

2. Bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực thực hiện hoạt động đăng kiểm

Đối với đăng kiểm tàu biển và đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, mô hình tổ chức Chi cục trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện hoạt động đăng kiểm tàu biển, phương tiện thủy nội địa đã tồn tại nhiều năm nhưng chưa có gì đổi mới, một số đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa trực thuộc các Sở Giao thông vận tải. Đối với đăng kiểm xe cơ giới, mô hình tổ chức đăng kiểm đa dạng, một số đơn vị trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải, một số đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân hoặc doanh nghiệp. Do vậy, khó khăn trong việc kiểm tra, kiểm soát và xử lý sai phạm như đối với các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân. Các Sở Giao thông vận tải chưa bố trí công chức chuyên trách theo dõi về lĩnh vực đăng kiểm xe cơ giới nên việc kiểm soát còn chưa hiệu quả, khó khăn trong việc xử lý vi phạm đối với Lãnh đạo, nhân viên làm công tác đăng kiểm do các Sở Giao thông vận tải quản lý.

Phân bố các đơn vị đăng kiểm không đều theo vùng miền, ở thành phố chật hẹp lại nhiều phương tiện, không đủ diện tích nhà xưởng bãi đỗ xe theo quy định, ở vùng núi thì diện tích rộng nhưng ít phương tiện, dẫn đến ít đầu tư do không có hiệu quả, cơ sở vật chất bị xuống cấp. Quy hoạch và quỹ đất của các

địa phương dành cho công tác đăng kiểm chưa được quan tâm đúng mức, một số đơn vị đăng kiểm tại các thành phố lớn vẫn chưa được chính quyền địa phương giao đất để thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Mặc dù công tác đầu tư xây dựng cơ bản đã được thực hiện tốt, các trang thiết bị cho văn phòng như máy tính, máy in... nhưng tại một số khu vực văn phòng tại các đơn vị trực thuộc và các trung tâm đăng kiểm nhà xưởng bị xuống cấp do đã sử dụng lâu năm, nhưng còn hạn chế về cơ chế đầu tư xây dựng do các địa điểm này đều đi thuê, không có tính ổn định và sử dụng lâu dài. Việc thử nghiệm phương tiện vẫn phải đi thuê địa điểm. Một số đơn vị đăng kiểm thủy thuộc Sở Giao thông vận tải còn thiếu thiết bị văn phòng, thiết bị kiểm tra và điều kiện làm việc hạn chế.

Nguồn nhân lực đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu, tuy nhiên số lượng và chất lượng đội ngũ đăng kiểm viên phân bố không đều, nhiều đơn vị còn thiếu đăng kiểm viên, đặc biệt là thiếu đăng kiểm viên bậc cao. Một bộ phận đăng kiểm viên chưa tuân thủ nghiêm chức trách, nhiệm vụ được giao; làm việc chưa khẩn cấp, chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của ngành đăng kiểm. Một số đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa nhân lực thiếu, yếu và chưa phù hợp với quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên của Bộ Giao thông vận tải; một số đơn vị đăng kiểm không có đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa để thực hiện nhiệm vụ. Đội ngũ đăng kiểm viên tàu biển tại các địa bàn trọng điểm về vận tải và công nghiệp tàu thủy như Hải phòng, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Bà Rịa- Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu công việc; tuy nhiên tại một số địa phương khác như Thừa Thiên Huế, Thanh Hóa, Kiên Giang, Cần Thơ, Hải Dương đội ngũ đăng kiểm viên tàu biển còn hạn chế cả về số lượng và trình độ.

3. Công tác kiểm tra, giám sát và phòng, chống tham nhũng tiêu cực

Hàng năm, Bộ Giao thông vận tải, Cục Đăng kiểm Việt Nam đều xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra hoạt động đăng kiểm. Cục Đăng kiểm Việt Nam giao trách nhiệm cho các phòng chuyên môn thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, làm rõ các vụ việc vi phạm của các tập thể và cá nhân, xử lý kỷ luật nghiêm theo quy định.

Việc kiểm tra, kiểm soát được thực hiện bằng nhiều hình thức như qua hệ thống camera, qua hình ảnh, dữ liệu kiểm định, qua kiểm tra thông tin phản ánh, kiểm tra đột xuất và kiểm tra định kỳ. Hiện nay tất cả các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên cả nước đã được trang bị, lắp đặt camera IP phục vụ việc kiểm tra giám sát hoạt động kiểm định của các Trung tâm từ trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam và các cơ quan chức năng. Năm 2013, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã phát hiện và xử lý đình chỉ 21 đăng kiểm viên xe cơ giới.

Từ đầu năm 2014 đến nay, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã tổ chức đoàn kiểm tra do 01 Phó Cục trưởng trực tiếp phụ trách thường xuyên đi kiểm tra đột xuất các Trung tâm đăng kiểm. Qua các đợt kiểm tra, đoàn kiểm tra đã kiến nghị xử lý sai phạm đối với 03 Trung tâm đăng kiểm (6004D, 6103D; 7601S), đình chỉ chức danh đối với 55 đăng kiểm viên xe cơ giới.

Cục Đăng kiểm Việt Nam đã thực hiện kiểm tra công tác đăng kiểm tàu biển và phương tiện thủy nội địa tại các Chi cục Đăng kiểm số 10, 15, 6 và 9; tiến hành tổng kiểm tra tất cả các tàu biển bị lưu giữ PSC và phân tích các khiếm khuyết dẫn đến tàu biển bị lưu giữ PSC tại nước ngoài để xác định trách nhiệm các tổ chức và cá nhân liên quan. Thông qua việc kiểm tra và phân tích, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã xử lý kỷ luật cảnh cáo 04 đăng kiểm viên, kỷ luật khiển trách 01 đăng kiểm viên và 01 Phó Giám đốc Chi cục vì đã vi phạm trong kiểm định tàu biển, phê bình 05 đăng kiểm viên tàu biển vì chưa hoàn thành nhiệm vụ kiểm định tàu biển.

Mặc dù công tác kiểm tra được tiến hành theo kế hoạch, nhưng vẫn còn một số tồn tại sau: Việc kiểm tra chưa thường xuyên, chưa sâu, vẫn để lọt các sai phạm dẫn đến các đơn vị đăng kiểm vẫn cấp giấy chứng nhận cho phương tiện còn khiếm khuyết; chậm đổi mới phương thức kiểm tra, khắc phục lỗi sau kiểm tra chưa triệt để; xử lý sai phạm chưa kiên quyết, chưa kịp thời; công tác phối hợp kiểm tra giữa các cơ quan chức năng chưa thường xuyên, hiệu quả.

Qua công tác kiểm tra, giám sát cho thấy còn một số tồn tại: Một số đăng kiểm viên năng lực còn hạn chế, đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận đăng kiểm viên giảm sút, gây phiền hà, sách nhiễu cho chủ phương tiện, không thực hiện đúng quy trình kiểm định, hạ thấp tiêu chuẩn, chưa mẫn cán, còn tiêu cực v.v... Các sai phạm trên dẫn đến bỏ qua các khiếm khuyết của phương tiện là những yếu tố tiềm ẩn gây mất an toàn giao thông; số lượng và tỉ lệ tàu biển còn có khiếm khuyết dẫn đến bị lưu giữ PSC ở nước ngoài là 6,13% cao hơn mục tiêu 6% vào năm 2013 được nêu tại Đề án “Đưa đội tàu biển Việt Nam ra khỏi danh sách đen vào cuối năm 2014”.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do công tác giáo dục chính trị, tư tưởng tại một số đơn vị cơ sở cho cán bộ đảng viên chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Vì thế, chưa phát huy hết vai trò đảng viên, người đứng đầu tại một số đơn vị cơ sở. Cán bộ lãnh đạo, đăng kiểm viên chưa chủ động, chưa nắm bắt kịp thời thực tế để đưa vào sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật. Trong việc xử lý kết quả chưa quyết liệt, vẫn còn hiện tượng nể nang, né tránh. Hiện nay có một vài đơn vị cơ sở trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam nhưng tổ chức Đảng,

công đoàn, đoàn thanh niên lại trực thuộc địa phương quản lý, vì vậy khó khăn trong việc thống nhất chỉ đạo, điều hành; chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý Nhà nước về đăng kiểm (Cục Đăng kiểm Việt Nam) với Sở Giao thông vận tải các địa phương trong việc quản lý, kiểm tra và tổ chức thực hiện công tác đăng kiểm theo yêu cầu của Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải.

4. Công tác ứng dụng khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế

a) Về ứng dụng khoa học, công nghệ

Trong nhiều năm qua Cục Đăng kiểm Việt Nam đã chú trọng công tác ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý hoạt động đăng kiểm; cụ thể Cục Đăng kiểm Việt Nam xây dựng và đưa vào sử dụng nhiều phần mềm quản lý chuyên ngành như:

- Phần mềm quản lý đăng kiểm tàu biển được đưa vào sử dụng từ năm 2000, nâng cấp sửa đổi vào các năm 2007 và 2014;

- Phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, đưa vào sử dụng từ năm 2001 hiện đang trong quá trình xây dựng lại;

- Phần mềm quản lý kiểm định xe cơ giới đang lưu hành đưa vào sử dụng từ năm 1997, nâng cấp năm 2000 và được bổ sung sửa đổi hàng năm;

- Phần mềm quản lý kiểm tra xe cơ giới nhập khẩu đưa vào sử dụng năm 2000;

- Phần mềm quản lý kiểu loại xe cơ giới sản xuất lắp ráp trong nước đưa vào sử dụng năm 2001;

- Phần mềm quản lý đầu máy toa xe được đưa vào sử dụng từ năm 2007, nâng cấp năm 2010;

- Phần mềm quản lý đăng kiểm công trình biển đưa vào sử dụng năm 2012.

Trang Web của Cục Đăng kiểm Việt Nam được đưa vào vận hành từ năm 2000. Ngoài việc đưa tin tức hoạt động của ngành và các văn bản pháp lý quy định về chức năng nhiệm vụ của Cục, Trang Web còn có các trang tra cứu thông tin phục vụ trong ngành và cho toàn thể xã hội như: tra cứu thông tin về tàu biển, phương tiện thủy nội địa, xe cơ giới đang lưu hành, xe cơ giới nhập khẩu, kiểu loại xe cơ giới sản xuất lắp ráp trong nước... Ngoài ra, các thông báo của ngành cho các chủ phương tiện cũng được cập nhật ở Trang Web của Cục, ví dụ: các thông báo kỹ thuật tàu biển, thông báo triệu hồi xe cơ giới, thông báo xe cơ giới hết niên hạn sử dụng, thông báo danh sách phương tiện thủy nội địa quá hạn đăng kiểm; thống kê xe tự đổ, xe xi téc có kích thước thùng hàng, xi téc không phù hợp Thông tư số 32/2012/TT-BGTVT... Hệ thống thư điện tử và

phần mềm quản lý văn bản Net Office được đưa vào sử dụng trong nhiều năm cũng đã giúp trao đổi thông tin giữa các cán bộ lãnh đạo và nhân viên trong toàn ngành.

Tại các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới đang lưu hành đã áp dụng các thiết bị kiểm định đồng bộ do một số hãng có uy tín sản xuất. Các thiết bị này đều được kết nối với máy tính để thực hiện quá trình kiểm tra và lưu trữ dữ liệu kết quả kiểm tra. Việc đánh giá kết quả kiểm tra các hạng mục dựa trên thiết bị được thực hiện hoàn toàn tự động không có sự can thiệp của con người.

Cũng tại các đơn vị kiểm định xe cơ giới đang lưu hành có lắp đặt các hệ thống Camera IP kết nối với mạng Internet cho phép những người có thẩm quyền có thể theo dõi hình ảnh hoạt động của các đơn vị này trực tuyến từ xa.

Nhìn chung các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đã thực hiện trong những năm qua đáp ứng các yêu cầu đặt ra về tiến độ và chất lượng công việc, luôn áp dụng công nghệ thông tin để quản lý trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của đăng kiểm. Tuy nhiên, đa số các phần mềm quản lý hoạt động kiểm định đã được đưa vào sử dụng từ lâu, cần được nâng cấp, mở rộng.

b) Về Hợp tác quốc tế

Cục Đăng kiểm Việt Nam đã ký kết một số văn bản hợp tác với tổ chức quốc tế, tham gia và thực hiện tốt vai trò Chủ tịch Hiệp hội Đăng kiểm Châu á (ACS) và OTHK, Chủ tịch nhóm tư vấn khu vực Á-Úc của Hiệp hội quốc tế về kiểm định ô tô (CITA), vai trò Phó Tổng thư ký Ban Thư ký IMO Việt Nam; hợp tác tích cực với 23 tổ chức đăng kiểm hàng đầu thế giới để học tập kinh nghiệm, phát triển nguồn lực, mở rộng lĩnh vực hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của đội tàu biển và công trình dầu khí biển tại các vùng biển quốc tế.

Tháng 3 năm 2014, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã làm việc với Cục Vận tải và Cục Đường thủy Lào, đã ký bản ghi nhớ về hợp tác giữa Cục Đăng kiểm Việt Nam với hai Cục chuyên ngành của Lào, thành lập các nhóm công tác để hợp tác và hỗ trợ Lào. Các nội dung hợp tác sẽ báo cáo Bộ trưởng hai nước để phê duyệt.

Các hoạt động hợp tác quốc tế của Cục Đăng kiểm Việt Nam với các tổ chức quốc tế và Đăng kiểm nước ngoài đã góp phần đổi mới, nâng cao uy tín của Đăng kiểm Việt Nam ở cả trong và ngoài nước.

Chương III

NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ PHÒNG, CHỐNG TIÊU CỰC TRONG CÔNG TÁC ĐĂNG KIỂM

I. Công tác đăng kiểm xe cơ giới

1. Đăng kiểm ô tô đang lưu hành

- Rà soát, cập nhật và trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt quy hoạch các trung tâm đăng kiểm toàn quốc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Công khai quy hoạch trên website của Bộ Giao thông vận tải, Cục Đăng kiểm Việt Nam sau khi được Bộ phê duyệt theo Đề án "Quy hoạch tổng thể các Trung tâm đăng kiểm và dây chuyền kiểm định xe cơ giới đến năm 2020, tầm nhìn 2030".

- Rà soát tất cả các trung tâm đăng kiểm đang hoạt động, dừng hoạt động có thời hạn các trung tâm không đủ điều kiện (yêu cầu bổ sung, hoàn thiện đủ điều kiện mới cho hoạt động trở lại), dừng hoạt động vĩnh viễn các trung tâm không thể đáp ứng tiêu chuẩn.

- Cục Đăng kiểm Việt Nam chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố tổ chức kiểm tra các đơn vị đăng kiểm do địa phương quản lý và các trung tâm đăng kiểm xã hội hoá, đề xuất xử lý nghiêm các vi phạm. Xem xét lại mô hình tổ chức của các trung tâm đăng kiểm, trung tâm đăng kiểm xã hội hóa để tham mưu đề xuất Bộ quy định thống nhất mô hình hoạt động đối với các trung tâm đăng kiểm theo Đề án "Xã hội hóa công tác đăng kiểm xe cơ giới lưu hành" theo Quyết định số 1658/QĐ-BGTVT ngày 16/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Thực hiện nhiệm vụ năm an toàn giao thông 2014 là "Siết chặt quản lý hoạt động vận tải và kiểm soát tải trọng phương tiện"; duy trì và có kế hoạch kiểm soát cho các năm tiếp theo.

- Tăng cường công tác kiểm tra để phát hiện và đề nghị xử lý theo đúng quy định các trường hợp xe coi nói, cải tạo để tăng sức chở bất hợp pháp.

- Thực hiện triển khai Đề án "Kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tại các tỉnh, thành phố" theo Quyết định số 909/QĐ-TTg ngày 17/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đăng kiểm xe ô tô sản xuất lắp ráp, nhập khẩu, thử nghiệm

- Thực hiện việc kiểm tra chất lượng xe cơ giới nhập khẩu, sản xuất lắp ráp trong nước; kiểm soát việc thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, đẩy nhanh tiến độ rà soát bổ sung sửa đổi các thông tư, quy chuẩn liên quan về kiểm soát tải trọng.

- Tăng cường công tác kiểm soát các quy trình kiểm tra, tuân thủ các thủ tục hành chính; thực hiện công tác đào tạo, đào tạo cập nhật và đổi mới, nâng

cao kiến thức cho các đăng kiểm viên chất lượng và thử nghiệm xe cơ giới; phòng chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm theo lô các phương tiện nhập khẩu, chế tạo trong nước.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho hai trung tâm: Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới VMTC và Trung tâm thử nghiệm khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ NETC theo hướng hài hòa tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

- Nghiên cứu phương án xây dựng Trung tâm thử nghiệm phương tiện ô tô hiện đại có quy mô phù hợp (Proving ground).

- Xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ thử nghiệm có trình độ cao để đáp ứng quá trình hài hoà hoá tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

- Xây dựng các nhóm công tác liên quan tới hài hoà hoá tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, xây dựng lộ trình tham gia Hiệp định 1958 "Hiệp định công nhận lẫn nhau về kết quả phê duyệt kiểu xe cơ giới".

II. Công tác đăng kiểm tàu biển

1. Chứng nhận an toàn, an ninh lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với tàu biển

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 09/CT-BGTVT về việc tăng cường các biện pháp nhằm giảm thiểu tàu biển Việt Nam bị lưu giữ PSC ở nước ngoài; Quyết định số 1133/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt "Đề án đưa đội tàu biển Việt Nam ra khỏi Danh sách đen của Tokyo-MOU vào cuối năm 2014".

- Xây dựng giải pháp đồng bộ, hiệu quả để duy trì tỷ lệ tàu biển Việt Nam bị lưu giữ PSC thấp hơn 5,5% và giảm dần vào các năm tiếp theo (sau 2014).

- Nghiên cứu đổi mới, nâng cao chất lượng của lĩnh vực đăng kiểm tàu biển, công khai hoá các thủ tục kiểm tra, đánh giá để phòng, chống tiêu cực ở lĩnh vực này.

- Kiểm soát chặt chẽ công việc kiểm tra tàu biển: đảm bảo tất cả các tàu đều được kiểm tra đủ, đúng khối lượng theo quy định. Quy trách nhiệm và xử lý các cán bộ, đăng kiểm viên, đánh giá viên, nhân viên nghiệp vụ liên quan đến tàu bị tai nạn, sự cố hoặc bị lưu giữ theo quy định tại Thông tư số 42/2012/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Thường xuyên thực hiện kiểm tra toàn diện công tác giám sát kỹ thuật tàu biển đóng mới và đang khai thác tại các Chi cục đăng kiểm tàu biển.

- Đối với các tàu kiểm tra định kỳ và kiểm tra trung gian/trên đà, Lãnh đạo đơn vị phải thực hiện rà soát kết quả kiểm tra hoặc tổ chức kiểm tra chéo trong nội bộ đơn vị. Thực hiện hậu kiểm không báo trước đối với các tàu hoàn thành kiểm tra trên đà và định kỳ.

- Tăng cường phối hợp giữa công tác đánh giá quản lý an toàn tàu và công tác kiểm tra tàu để kịp thời tổ chức kiểm tra khắc phục các khiếm khuyết về kỹ thuật hoặc khiếm khuyết liên quan đến công tác đánh giá và đề ra các biện pháp khắc phục phòng ngừa kể cả xử lý trách nhiệm tổ chức và cá nhân liên quan.

- Tổ chức đào tạo lại và đào tạo bổ sung cho đăng kiểm viên một cách thường xuyên. Đưa chương trình giáo dục đạo đức, nghề nghiệp, trách nhiệm đối với lãnh đạo và đăng kiểm viên vào chương trình đào tạo mới và đào tạo cập nhật cho tất cả các đối tượng liên quan.

- Tăng cường kiểm soát theo quá trình đối với các dự án đóng mới, kiên quyết không để tồn tại các lỗi về thiết kế, thi công và chứng nhận sản phẩm công nghiệp nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng đội tàu.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá và chứng nhận an toàn, an ninh, lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với tàu biển; tạo chuyển biến mang tính đột phá về đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đăng kiểm tàu biển.

- Rà soát, đề nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, các hướng dẫn giám sát kỹ thuật tàu biển.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên liên quan đến an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho các chủ tàu, cơ sở đóng mới và sửa chữa tàu biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Theo dõi chặt chẽ nội dung các kỳ họp của Ủy ban Bảo vệ môi trường biển (MEPC) và Ủy ban An toàn Hàng hải (MSC) của IMO. Nghiên cứu, phổ biến và hướng dẫn áp dụng kịp thời các quy định mới về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường được thông qua tại các kỳ họp này đến tất cả các bên liên quan.

- Triển khai thực hiện “Luật thực hiện các văn kiện của Tổ chức Hàng hải quốc tế” (III Code) của IMO; Chuẩn bị sẵn sàng cho việc đánh giá của IMO đối với việc thực hiện các điều ước quốc tế liên quan trong lĩnh vực hàng hải tại Việt Nam.

- Xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới các đơn vị đăng kiểm tàu biển, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực gắn với quy hoạch phát triển công nghiệp đóng tàu, quy hoạch phát triển vận tải biển và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

- Đưa vào sử dụng phần mềm Hệ thống quản lý kiểm tra tàu biển mở rộng và tiếp tục xây dựng phần mềm quản lý kiểm tra đóng mới tàu biển để tích hợp thành phần mềm quản lý tàu biển tổng thể (bao gồm cả kiểm tra đóng mới, kiểm tra tàu đang khai thác, đánh giá chứng nhận năng lực các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển và cơ sở cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, kiểm tra thiết bị và hệ thống an toàn của tàu biển).

2. Công tác đăng kiểm công trình biển

- Rà soát và tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn và bảo vệ môi trường các phương tiện thiết bị thăm dò khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển.

- Về hệ thống Quy phạm, Quy chuẩn, Tiêu chuẩn, hướng dẫn và công tác nghiên cứu khoa học, tiếp tục thực hiện đề án Chiến lược phát triển khoa học công nghệ ngành giao thông vận tải giai đoạn 2013 – 2020 và định hướng đến năm 2030 về lĩnh vực công trình biển.

- Tăng cường quản lý nhà nước trong kiểm tra, kiểm soát công tác đăng kiểm công trình biển để đổi mới, nâng cao ý thức trách nhiệm của lãnh đạo, đăng kiểm viên; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đăng kiểm.

- Cải tiến, đổi mới, nâng cao chất lượng giám sát kỹ thuật công trình biển thông qua việc tăng cường kiểm soát quá trình, giám sát kỹ thuật ở tất cả các khâu: thẩm định thiết kế, giám sát kỹ thuật trong đóng mới và trong khai thác và báo cáo tới lãnh đạo Cục Đăng kiểm Việt Nam để xử lý mọi vi phạm phát hiện được.

- Duy trì hoạt động của tổ phân cấp nhằm đảm bảo công tác phân cấp công trình biển được thực hiện một cách minh bạch, phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn, tiêu chuẩn và các công ước quốc tế hiện hành.

- Tiếp tục quan hệ chặt chẽ với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty thăm dò khai thác dầu khí trong nước và nước ngoài để quản lý, triển khai thực hiện công tác đăng kiểm phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí biển.

- Quan hệ hợp tác tốt với các tổ chức đăng kiểm nước ngoài.

- Tăng cường nhân lực cho lĩnh vực đăng kiểm công trình biển để đáp ứng được khối lượng công việc hiện tại và các lĩnh vực còn thiếu như điện - tự động và công nghệ thăm dò khai thác dầu khí.

- Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, đặc biệt trong khâu áp dụng.

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện phần mềm quản lý công trình biển để đăng kiểm viên có thể lập và hoàn thiện các báo cáo, giấy chứng nhận tại các Chi cục.

- Thực hiện nhắc hạn kiểm tra cho chủ công trình biển sớm giúp chủ công trình biển lập kế hoạch kiểm tra cho công trình biển theo đúng thời hạn.

- Tiếp tục công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về công tác đăng kiểm công trình biển cho các tổ chức, cá nhân có liên quan. Tăng cường chất lượng công tác đào tạo đăng kiểm viên công trình biển theo Thông tư số 65/2011/TT-BGTVT, bao gồm chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ. Tiếp tục cập nhật, bổ sung sửa đổi giáo trình đào tạo đăng kiểm viên lĩnh vực công trình biển theo tiêu chuẩn đăng kiểm viên mới.

Hiện nay, tuy chưa có hiện tượng tiêu cực trong lĩnh vực đăng kiểm công trình biển, nhưng các giải pháp sau đây cũng cần thực hiện để phòng ngừa tiêu cực:

- Tăng cường công tác kiểm soát công việc, soát xét hồ sơ để trong đơn vị không xảy ra hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, gây khó khăn cho khách hàng;

- Thực hiện kiểm tra chéo các công việc đã thực hiện để hạn chế tiêu cực;

- Chú trọng công tác bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho đăng kiểm viên; thái độ nghiêm túc đối với những sai phạm khi làm việc, đặc biệt là sai phạm đối với khách hàng, đối tác.

3. Công tác xét duyệt thiết kế tàu biển

- Đào tạo đội ngũ đăng kiểm viên giàu kinh nghiệm, có chuyên môn sâu, có tính thống nhất, có tính chuyên nghiệp để xét duyệt thiết kế.

- Áp dụng công nghệ thông tin trong duyệt thiết kế.

- Quản lý thiết kế chi tiết đến từng bản vẽ, từng nội dung khuyến nghị, lưu ý trên bản vẽ, từ khâu tiếp nhận, giao việc, nhận xét thiết kế đến việc đóng dấu bản vẽ, cấp phát hồ sơ, giấy chứng nhận.

- Tạo được sự tôn trọng thiết kế của hiện trường, phải đảm bảo rõ ràng, thuận tiện cho người sử dụng, có đầy đủ thông tin hướng dẫn, trích dẫn để sao

cho người thi công và đăng kiểm viên hiện trường không cần phải sử dụng thêm quy phạm hoặc các tài liệu tham khảo trong quá trình thi công, giám sát.

- Xây dựng quy trình thực hiện và phương pháp quản lý duyệt thiết kế tiếp cận được với quy trình, cách thức thực hiện của các tổ chức đăng kiểm nước ngoài.

- Đảm bảo việc áp dụng quy định, cách thức thực hiện, quan điểm chuyên môn phải được thống nhất, các hướng dẫn phải đầy đủ, rõ ràng cho cả người duyệt và người thiết kế. Hạn chế đến mức tối đa, tiến tới chấm dứt hiện tượng cùng công việc như nhau mà 2 người duyệt có kết quả khác nhau.

- Kiểm soát ngay từ khâu tiếp nhận công việc, lưu trữ, cấp phát hồ sơ, giấy chứng nhận.

- Tất cả các thủ tục, các hướng dẫn công việc, hướng dẫn chuyên môn đều được lập và công khai minh bạch để giám tiêu cực.

- Các nhận xét đối với thiết kế đều phải được lập đầy đủ, chi tiết và được lưu trữ vào hồ sơ thiết kế để làm bằng chứng thực hiện, tránh được việc không nhất quán, không minh bạch trong việc đưa ra yêu cầu và trong kiểm soát thực hiện. Danh mục các bản vẽ theo yêu cầu cũng được thông báo công khai, rõ ràng để khách hàng biết và áp dụng.

- Thực hiện phương châm đúng, mục tiêu đúng để chất lượng thiết kế từng bước được đổi mới, nâng cao, được hiện trường chấp nhận và thực hiện đúng.

4. Công tác chứng nhận sản phẩm công nghiệp

- Bổ sung quy định về chứng nhận năng lực các trạm thử, phòng thí nghiệm, cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến công tác đăng kiểm sản phẩm công nghiệp được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật liên quan như: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 21:2010/BGTVT “Quy phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép”; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 23:2010/BGTVT “Quy phạm thiết bị nâng hàng tàu biển”; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BGTVT “Quy phạm các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu”, QCVN 38:2011/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về kiểm tra và chế tạo công ten nơ vận chuyển trên các phương tiện giao thông vận tải”, QCVN 64:2013/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về kiểm tra sản phẩm công nghiệp dùng cho tàu biển”, QCVN 65:2013/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về đánh giá năng lực cơ sở chế tạo và cung cấp dịch vụ tàu biển” và các quy phạm liên quan khác.

- Ban hành một số tiêu chuẩn chức năng của trang thiết bị lắp đặt lên tàu thủy: thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển, thiết bị cứu sinh, thiết bị vô tuyến điện, máy lái...

- Cập nhật đầy đủ và hướng dẫn áp dụng các điều ước quốc tế của Tổ chức Hàng hải quốc tế liên quan đến tiêu chuẩn chức năng và lắp đặt các thiết bị liên quan đến an toàn và phòng ngừa ô nhiễm môi trường dùng cho tàu biển và công trình dầu khí biển.

- Thực hiện nghiêm ngặt công tác kiểm tra, đánh giá và chứng nhận việc sản xuất và lắp đặt các sản phẩm công nghiệp theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

- Kiểm soát tại nguồn đối với tất cả các sản phẩm sản xuất tại nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam.

- Không chấp nhận lắp đặt vật liệu máy móc và trang thiết bị đã qua sử dụng lên tàu biển.

- Nghiên cứu hướng dẫn các cơ sở trong nước sản xuất một số loại sản phẩm công nghiệp dùng cho công nghiệp đóng tàu và công trình dầu khí biển: xuồng cứu sinh, hệ thống dập cháy, thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm dầu, kết cấu chống cháy, máy neo, máy lái, neo, chân vịt, hệ trục, trang thiết bị điện...

- Tập hợp các tiêu chuẩn chế tạo sản phẩm công nghiệp phổ biến trên thế giới như ISO, JIS, DIN... để hướng dẫn và tư vấn cho các cơ sở sản xuất khi có yêu cầu.

- Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đăng kiểm quốc tế để thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá và chứng nhận các sản phẩm công nghiệp dùng cho đóng tàu và công trình dầu khí biển cả ở trong và ngoài nước.

- Tiếp tục mở rộng, hoàn thiện và đưa vào sử dụng Phần mềm quản lý chứng nhận sản phẩm công nghiệp dùng cho tàu biển.

- Thông qua Phần mềm quản lý chứng nhận sản phẩm công nghiệp dùng cho tàu biển định kỳ cập nhật Danh mục các sản phẩm công nghiệp và cơ sở sản xuất được công nhận trên Trang Web của Cục Đăng kiểm Việt Nam giúp khách hàng có thể lập trước kế hoạch mua các sản phẩm công nghiệp có chất lượng lắp đặt trên tàu biển.

III. Công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa

- Xem xét vấn đề về niên hạn phương tiện thủy nội địa; đánh giá mô hình, hệ thống đăng kiểm phương tiện thủy nội địa còn phù hợp hay thay đổi.

- Thường xuyên, liên tục chỉ đạo các đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa thực hiện nghiêm túc khi kiểm tra tàu đóng mới, hoán cải, tàu nhập khẩu, tàu đã đóng không có sự giám sát của đăng kiểm, kiểm tra chu kỳ phải có đủ bằng chứng chụp ảnh chứng minh phương tiện đã hoàn thành đợt kiểm tra gắn trong hồ sơ đăng kiểm lưu tại đơn vị.

- Tiếp tục chỉ đạo, kiểm soát, giải quyết các vướng mắc trong triển khai hướng dẫn giám sát, chương trình quản lý phương tiện thủy nội địa mới, Thông tư số 123/2013/TT-BTC ngày 28/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu phí kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa, phần mềm quản lý phương tiện thủy nội địa, gắn số kiểm soát, in và dán tem kiểm định phương tiện thủy nội địa và các biểu mẫu giấy tờ theo quy định mới.

- Phối hợp với Cục Cảnh sát đường thủy và Cục Đường thủy nội địa Việt Nam chỉ đạo các đơn vị Đăng kiểm thực hiện kế hoạch tổng kiểm tra bến, phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện vận tải hành khách bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa, nhằm góp phần tăng cường, đổi mới và nâng cao công tác quản lý Nhà nước, đảm bảo trật tự an toàn giao thông đối với hoạt động vận tải hành khách ngang sông.

IV. Công tác đăng kiểm đường sắt

- Đánh giá chất lượng, an toàn phương tiện giao thông đường sắt. Các phương tiện đầu máy, được đăng kiểm đường sắt kiểm tra cấp Giấy chứng nhận bảo đảm an toàn và không để xảy ra tai nạn do sự cố kỹ thuật. Rà soát sửa đổi quy định về nội dung kiểm tra phương tiện.

- Tập trung xây dựng dự thảo thông tư về chứng nhận an toàn hệ thống đường sắt đô thị.

- Xem xét các tài liệu, chuẩn bị cho nghiên cứu về đường sắt cao tốc.

Chương IV

CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHẪM ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ PHÒNG, CHỐNG TIÊU CỰC TRONG CÔNG TÁC ĐĂNG KIỂM

I. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về thể chế và cải cách thủ tục hành chính

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về đăng kiểm phù hợp với các luật, bộ luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về các lĩnh vực hoạt động đăng kiểm cần xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung trong năm 2014-2015 và giai đoạn tiếp theo tại Phụ lục 2 của Đề án.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các đề án:
 - + Đề án nâng cao chất lượng công tác đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông và ô nhiễm môi trường;
 - + Đề án đưa đội tàu biển Việt Nam ra khỏi danh sách đen của Tokyo-MOU vào năm 2014;
 - + Đề án quy hoạch các trung tâm đăng kiểm trên cả nước;
 - + Đề án kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tại các tỉnh, thành phố;
 - + Đề án đào tạo và phát triển nguồn nhân lực thực hiện công tác thẩm định, xác nhận và chứng nhận an toàn hệ thống đường sắt đô thị (có sự hỗ trợ kỹ thuật của nước ngoài);
 - + Đề án quản lý việc sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu phương tiện vận tải theo hướng an toàn và thân thiện với môi trường;
 - + Đề án chuẩn hóa các trung tâm đăng kiểm, trong đó xác định lộ trình kêu gọi các nguồn lực đầu tư để đáp ứng nhu cầu, nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.
- Rà soát các thủ tục hành chính trong tất cả lĩnh vực hoạt động của đăng kiểm để hủy bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết hoặc đơn giản hóa tối đa các yếu tố cấu thành của thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.
- Rà soát, xây dựng mới hoặc cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 đối với tất cả thủ tục hành chính và các quy trình giải quyết công việc thuộc phạm vi chức năng của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

II. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

1. Về tổ chức bộ máy

- Rà soát lại mô hình tổ chức trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, kiểm định xe ô tô đang lưu hành; đánh giá, đề xuất báo cáo Bộ Giao thông vận tải mô hình phù hợp trong giai đoạn trước mắt và lâu dài. Đặc biệt là xây dựng mô hình thống nhất đối với các đơn vị thành lập theo mô hình xã hội hóa trong công tác đăng kiểm xe cơ giới.
- Rà soát toàn bộ chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm, chi cục thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam; xem xét điều chỉnh cho phù hợp, tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

2. Về nguồn nhân lực

- Xây dựng vị trí việc làm cho toàn bộ lĩnh vực đăng kiểm theo các giai đoạn phát triển (5 năm, 10 năm).

- Thực hiện rà soát, xây dựng quy hoạch vị trí lãnh đạo các đơn vị đăng kiểm trong toàn ngành thuộc diện quản lý của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Xây dựng kế hoạch luân chuyển và thực hiện công tác luân chuyển các vị trí công tác của công chức, viên chức giữ vị trí lãnh đạo hoặc các đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ có vị trí tiếp xúc với khách hàng có thể nảy sinh tiêu cực.

- Thực hiện nghiêm Quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam đã ban hành. Trong hoạt động, Lãnh đạo và đăng kiểm viên phải làm việc có kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch; đồng thuận và nâng cao tính đoàn kết, nhất trí trong toàn hệ thống đăng kiểm.

- Xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng phát triển nguồn nhân lực thực hiện công tác thẩm tra, xác nhận và chứng nhận an toàn hệ thống cho đường sắt đô thị, tăng cường theo hướng giáo dục chính trị, tư tưởng, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho các đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, tiêu chí đầu vào và mở rộng nguồn nhân lực đào tạo đăng kiểm viên, tận dụng sự hỗ trợ đào tạo của nước ngoài.

- Tiến hành rà soát bổ sung sửa đổi tiêu chuẩn, nội dung, quy trình đánh giá đăng kiểm viên tất cả các lĩnh vực:

- + Đăng kiểm viên tàu biển;
- + Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa;
- + Đăng kiểm viên kiểm định xe cơ giới;
- + Đăng kiểm viên chất lượng xe cơ giới;
- + Đăng kiểm viên thử nghiệm xe cơ giới;
- + Đăng kiểm viên đường sắt;
- + Đánh giá viên ISM, ISPS, ISO, MLC.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo Chỉ thị số 12/CT-BGTVT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT về việc đánh giá hàng năm đối với đảng kiểm viên và thời hạn cấp thẻ đảng kiểm viên; đồng thời bổ sung các quy định về tiêu chuẩn cơ sở tập huấn, giảng viên, giáo trình, tài liệu giảng dạy, kiểm tra và thi cấp chứng chỉ toàn khóa học theo tinh thần Chỉ thị số 12/CT-BGTVT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Trong lĩnh vực đảng kiểm phương tiện thủy nội địa và phương tiện đường sắt, thực hiện theo các quy định của Cục Đảng kiểm Việt Nam; xây dựng kế hoạch ban hành các Thông tư quy định về đảng kiểm viên phương tiện thủy nội địa và đảng kiểm viên phương tiện đường sắt trình Bộ Giao thông vận tải trong 6 tháng đầu năm 2015.

- Xem xét tình hình trả lương trong toàn ngành đảng kiểm (bao gồm cả các đơn vị đảng kiểm thuộc các Sở Giao thông vận tải, các đơn vị xã hội hoá) để có đề xuất về chế độ trả lương cho các đảng kiểm viên một cách hợp lý.

- Xem xét, xây dựng các chính sách chế độ cụ thể để nâng cao thu nhập, đãi ngộ cho cán bộ công nhân viên để hạn chế tiêu cực.

- Rà soát toàn bộ và cải thiện điều kiện làm việc của cán bộ công nhân viên trong toàn ngành đảng kiểm; đặc biệt các đảng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ làm trong môi trường độc hại.

III. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về kiểm tra, giám sát

- Triển khai và duy trì thường xuyên hoạt động kiểm tra chất lượng công tác đảng kiểm và phòng, chống tiêu cực; trang bị các thiết bị chuyên dụng để hỗ trợ việc theo dõi, giám sát hoạt động đảng kiểm từ trụ sở cơ quan Cục Đảng kiểm Việt Nam.

- Duy trì đường dây nóng đã niêm yết tại các Trung tâm đảng kiểm, Chi cục để tiếp nhận và xử lý các phản ánh của khách hàng, người dân về công tác đảng kiểm.

- Phối hợp chặt chẽ với lực lượng Thanh tra Giao thông vận tải, Công an, Cảnh vụ, cơ quan điều tra tai nạn giao thông trong việc kiểm tra, giám sát chủ phương tiện duy trì tình trạng kỹ thuật các phương tiện giữa hai kỳ kiểm định; tham gia điều tra, làm rõ các nguyên nhân kỹ thuật có liên quan đến công tác kiểm định của phương tiện giao thông vận tải trong các vụ tai nạn giao thông.

- Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát chất lượng công tác đảng kiểm (thường xuyên và đột xuất), đặc biệt là việc hậu kiểm các phương tiện mới hoàn thành kiểm định để có biện pháp hiệu quả nhằm kịp thời phát hiện và đề xuất xử lý nghiêm các sai phạm của trung tâm đảng kiểm, đảng kiểm viên, nhân viên

nghiệp vụ đăng kiểm trong thực thi nhiệm vụ và trách nhiệm của người đứng đầu; đình chỉ hoạt động của các trung tâm đăng kiểm không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực hoặc có vi phạm nghiêm trọng trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

IV. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về thi đua, tuyên truyền

Tổ chức phát động đợt vận động chính trị sâu rộng về đổi mới, nâng cao chất lượng và chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm nhằm đạt mục tiêu đổi mới căn bản, sâu rộng công tác đăng kiểm trong năm 2014-2015. Lấy chủ đề đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đăng kiểm, giảm thiểu tiêu cực để làm nội dung sinh hoạt theo Nghị quyết TW3 của Ban Bí thư tại các chi bộ trực thuộc; Đổi mới, nâng cao vai trò của các tổ chức cơ sở đảng, đặc biệt vai trò của các đồng chí Đảng ủy viên, Bí thư các chi bộ, uỷ ban kiểm tra; Yêu cầu các đồng chí Đảng ủy viên phải thường xuyên sinh hoạt với các chi bộ được phân công phụ trách, tổng hợp tình hình để xử lý kịp thời.

- Phát huy vai trò của tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên; vai trò của các đồng chí trong ban chấp hành công đoàn Cục Đăng kiểm Việt Nam, tổ trưởng tổ công đoàn các đơn vị, vai trò của Ban chấp hành đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Cục Đăng kiểm Việt Nam; phát huy tinh thần mũi nhọn của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong tất cả các hoạt động, bám sát các chỉ đạo của cấp trên để đổi mới, nâng cao chất lượng và phòng chống tiêu cực trong lĩnh vực đăng kiểm.

- Tăng cường công tác kiểm tra công vụ để phát hiện và hạn chế các tiêu cực; thực hiện tốt quy tắc ứng xử với phương châm “4 xin – xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn và xin phép” và “4 luôn – luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn thấu hiểu và luôn giúp đỡ” theo chủ trương chung của Bộ Giao thông vận tải.

- Phát động phong trào thi đua: Công đoàn, Đoàn thanh niên Cục Đăng kiểm Việt Nam xây dựng chuyên đề “Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đăng kiểm” và đưa ra chương trình hành động nhằm tác động mạnh vào đội ngũ đoàn viên, thanh niên.

- Phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền hình thực hiện tuyên truyền về hoạt động đăng kiểm; phản ánh những hiện tượng vi phạm của chủ phương tiện; các lỗi kỹ thuật của phương tiện; tuyên truyền về thời hạn áp dụng, nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật; tuyên truyền và phổ biến để cán bộ công chức, viên chức, đăng kiểm viên biết và thực hiện đúng quy tắc ứng xử, đạo đức trong các hoạt động đăng kiểm; tuyên truyền để nhân dân, chủ phương tiện không tiếp tay hoặc tạo điều kiện để tiêu cực xảy ra trong hoạt động đăng kiểm.

- Tăng cường tuyên truyền nội dung các văn bản có liên quan đến việc đổi mới, nâng cao chất lượng và chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải.

V. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị; ứng dụng khoa học, công nghệ

- Hiện đại hóa cơ sở, vật chất, trang thiết bị trong toàn ngành đăng kiểm góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động và phòng chống tiêu cực. Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các thiết bị kiểm định, quy trình kiểm định mới để kiểm tra trong kiểm định các loại xe cơ giới đời mới mà các thiết bị và quy trình hiện nay không thể kiểm tra được hoặc kiểm tra không chính xác.

- Rà soát, nâng cấp cơ sở vật chất các Chi cục, Trung tâm đăng kiểm theo hướng khang trang, hiện đại; dựa theo yêu cầu quy hoạch mới các trung tâm đăng kiểm trên cả nước để lập phương án đầu tư, xây dựng hợp lý các trung tâm kiểm định theo nhu cầu của số phương tiện gia tăng hàng năm theo Đề án "Quy hoạch tổng thể các Trung tâm đăng kiểm và dây chuyền kiểm định xe cơ giới đến năm 2020, tầm nhìn 2030".

- Xây dựng trung tâm thử nghiệm ô tô có quy mô phù hợp theo các giai đoạn phát triển.

- Xây dựng một trung tâm kiểm định kiểu mẫu.

- Xây dựng hệ thống camera đường truyền tốc độ cao để theo dõi các hoạt động từ văn phòng Cục.

- Xây dựng, nâng cấp các phần mềm ứng dụng hiện đại để quản lý, theo dõi, giám sát, phân tích dữ liệu, thẩm định thiết kế kỹ thuật; bao gồm:

+ Xây dựng phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa (đang triển khai);

+ Nâng cấp phần mềm quản lý đăng kiểm xe cơ giới (sản xuất lắp ráp, nhập khẩu và đang lưu hành);

+ Xây dựng phần mềm thẩm định thiết kế xe cơ giới (sản xuất lắp ráp, nhập khẩu và thử nghiệm);

+ Xây dựng phần mềm mô phỏng thử nghiệm độ bền khung xương, vỏ xe khách;

- Xây dựng và đưa vào áp dụng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm.

- Xây dựng hệ thống bảo mật dữ liệu và hệ thống máy chủ an toàn, hiện đại cho toàn ngành đăng kiểm.

VI. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về hợp tác quốc tế

- Tham gia đầy đủ và sâu sắc hơn trong tất cả các hoạt động của Hiệp hội Đăng kiểm Châu á (ACS), Hiệp hội quốc tế các tổ chức kiểm tra và phân cấp (TSCI), Hiệp hội quốc tế về kiểm định ô tô (CITA).

- Đẩy mạnh hợp tác song phương cùng có lợi với các tổ chức đăng kiểm lớn thuộc ACS và IACS. Năm 2014, hoàn thành ký kết hợp tác với Đăng kiểm Hàn quốc (KR) về công trình biển.

- Chuẩn bị và triển khai có hiệu quả hai Bộ luật của IMO là RO và III Code trong năm 2014 và các năm tiếp theo.

- Chuẩn bị các thủ tục để trình Chính phủ gia nhập Hiệp định 1958 về ô tô.

- Chủ động, tích cực hợp tác và hỗ trợ ngành đăng kiểm của nước bạn Lào.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện đề án

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp tại Đề án này được xác định cho từng nhiệm vụ và giải pháp cụ thể.

- Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ và giải pháp thuộc trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam được lấy từ nguồn quỹ đầu tư phát triển của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ và giải pháp thuộc trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải được lấy từ nguồn của địa phương theo quy định nhà nước;

- Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ và giải pháp thuộc trách nhiệm của các đơn vị xã hội hóa được lấy từ chủ đầu tư của các đơn vị xã hội hóa hoặc huy động bằng nhiều nguồn khác nhau.

2. Phân công thực hiện

a) Cục Đăng kiểm Việt Nam

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Đề án trình Bộ phê duyệt.

- Báo cáo Bộ Giao thông vận tải về tình hình và kết quả triển khai thực hiện Đề án theo định kỳ 6 tháng/lần.

- Báo cáo Bộ Giao thông vận tải những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Đề án để kịp thời tháo gỡ, điều chỉnh.

b) Vụ Khoa học - Công nghệ

- Là đầu mối tham mưu Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án; chủ trì theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Đề án.

- Tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải tình hình triển khai thực hiện Đề án theo định kỳ 6 tháng/lần.

- Chủ trì, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải phê duyệt các nhiệm vụ khoa học công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Cục Đăng kiểm Việt Nam trình; hỗ trợ Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan trong nhiệm vụ và giải pháp về ứng dụng khoa học công nghệ.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp khác của Đề án.

c) Vụ Pháp chế

Chủ trì, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kế hoạch xây dựng, kiểm tra, rà soát hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực đăng kiểm do Cục Đăng kiểm Việt Nam trình; hỗ trợ Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan đến nhiệm vụ và giải pháp về thể chế và cải cách thủ tục hành chính.

d) Vụ Tổ chức cán bộ

Chủ trì, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải về công tác tổ chức cán bộ; hỗ trợ Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan đến nhiệm vụ và giải pháp về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực.

đ) Vụ Kế hoạch - Đầu tư

Chủ trì, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kế hoạch đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất; hỗ trợ Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan trong nhiệm vụ và giải pháp về hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị.

e) Vụ Tài chính

Chủ trì, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kế hoạch tài chính để hỗ trợ Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan trong nhiệm vụ và giải pháp về hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ.

g) Vụ Hợp tác quốc tế

Chủ trì, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải kế hoạch hợp tác quốc tế, tham gia các điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực đăng kiểm, hỗ trợ Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan trong nhiệm vụ và giải pháp về hợp tác quốc tế.

h) Thanh tra Bộ Giao thông vận tải

Chủ trì, tham mưu trình Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải về công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động đăng kiểm; hỗ trợ Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan trong nhiệm vụ và giải pháp về kiểm tra, giám sát và phòng, chống tiêu cực trong hoạt động đăng kiểm.

i) Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và Cục Đường sắt Việt Nam

Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung trong các nhiệm vụ và giải pháp liên quan đến lĩnh vực đăng kiểm phương tiện, thiết bị hàng hải, phương tiện thủy nội địa và phương tiện đường sắt.

k) Tổng cục Đường bộ Việt Nam

Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan trong các nhiệm vụ và giải pháp về lĩnh vực đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ.

l) Các Sở Giao thông vận tải

Chủ trì tổ chức kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất đối với các cơ sở đăng kiểm do Sở Giao thông vận tải quản lý việc thực hiện công tác đăng kiểm phương tiện tại địa phương.

Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện tốt các nội dung liên quan trong các nhiệm vụ và giải pháp về lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, đăng kiểm xe cơ giới lưu hành.

3. Thời gian và tiến độ thực hiện Đề án

a) Thời gian triển khai thực hiện Đề án từ năm 2014 đến năm 2020

- Thời gian thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp cụ thể được xác định tại Phụ lục 3 của Đề án này.

- Các nhiệm vụ và giải pháp khác được thực hiện thường xuyên, liên tục trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2020.

b) Tiến độ thực hiện Đề án: thực hiện theo ba giai đoạn

Giai đoạn 1: trong năm 2014

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để đạt được kết quả bước đầu đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động đăng kiểm; giảm thiểu tối đa tiêu cực trong tất cả các hoạt động đăng kiểm.

- Thực hiện tốt Chỉ thị số 08/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp cấp bách để nâng cao chất lượng và chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải.

- Triển khai thực hiện các nội dung tại Thông báo kết luận số 239/TB-BGTVT ngày 17/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về nâng cao chất lượng công tác đăng kiểm.

- Thực hiện nhiệm vụ năm ATGT 2014 là “Siết chặt quản lý hoạt động vận tải và kiểm soát tải trọng phương tiện”.

- Thực hiện tốt Chỉ thị số 09/CT-BGTVT về việc tăng cường các biện pháp nhằm giảm thiểu tàu biển Việt Nam bị lưu giữ PSC ở nước ngoài. Thực hiện Quyết định số 1133/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt “Đề án đưa đội tàu biển Việt Nam ra khỏi danh sách đen của Tokyo-MOU vào cuối năm 2014”. Xây dựng giải pháp đồng bộ, hiệu quả để duy trì tỷ lệ tàu biển Việt Nam bị lưu giữ PSC giảm dần.

- Rà soát toàn bộ cơ sở vật chất trong các đơn vị đăng kiểm.

- Thực hiện quyết liệt các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ, công đoàn, đoàn thanh niên để triển khai các giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động và phòng chống tiêu cực trong toàn đăng kiểm.

Giai đoạn 2: từ 1/1/2015 đến 31/12/2015

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ và quyết liệt các giải pháp để đổi mới về căn bản và nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động đăng kiểm; giảm thiểu tối đa tiêu cực trong tất cả các hoạt động đăng kiểm;

- Tiếp tục thực hiện các mục tiêu của giai đoạn 1 và đặc biệt triển khai các dự án trong Đề án để xây dựng một Đăng kiểm Việt Nam có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính về tổ chức hoạt động phù hợp với pháp luật hiện hành; hoàn chỉnh các quy chế, quy định, quy tắc, thể chế; đảm bảo tính công khai, minh bạch, kỷ luật, kỷ cương; giảm thiểu sai sót, sai phạm trong hoạt động đăng kiểm. Hạn chế tối đa tiêu cực trong quá trình thực thi công vụ.

Giai đoạn 3: từ 1/1/2016 đến 31/12/2020.

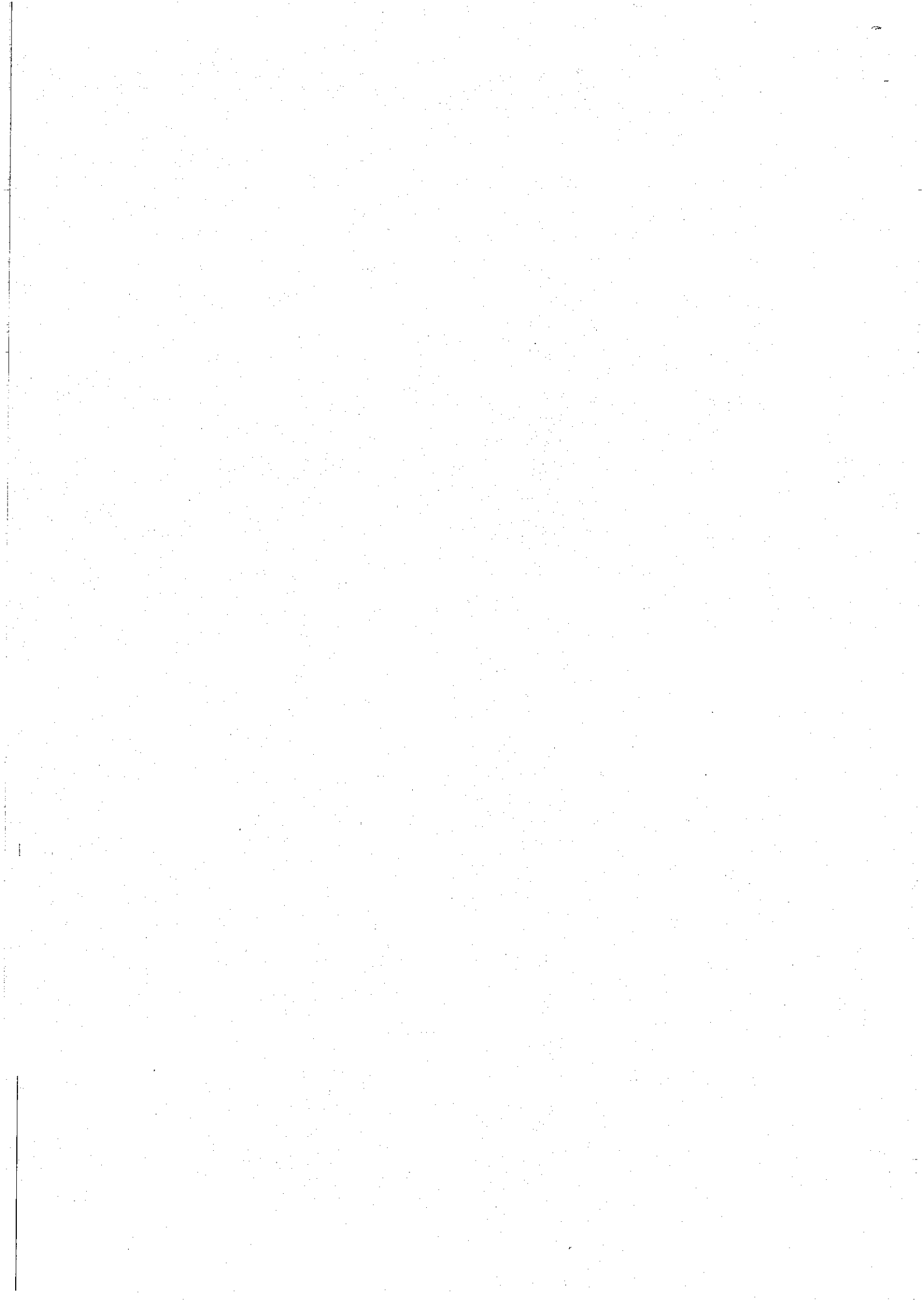
- Thực hiện mạnh các giải pháp để căn bản đổi mới, nâng cao được chất lượng hoạt động và phòng chống được tiêu cực trong các lĩnh vực của đăng kiểm. Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động đăng kiểm; giảm thiểu tối đa tiêu cực trong tất cả các hoạt động Đăng kiểm.

- Triển khai các dự án trong Đề án theo lộ trình xây dựng một Đăng kiểm Việt Nam có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại đáp ứng được quá trình hội nhập quốc tế và yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải.

- Xây dựng hệ thống Đăng kiểm từ Văn phòng Cục đến các Chi cục, Trung tâm vững mạnh, tổ chức bộ máy chuyên sâu, tinh gọn và chuyên nghiệp đáp ứng với thực tiễn; có năng lực tổ chức, điều hành tốt các hoạt động đăng kiểm, hội nhập quốc tế sâu rộng và đáp ứng được yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, có phẩm chất đạo đức, chính trị, có ý thức trách nhiệm cao và đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thực hiện nghiêm Quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam đã ban hành. Trong hoạt động, Lãnh đạo và đảng viên phải làm việc có kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch; đồng thuận và nâng cao tính đoàn kết, nhất trí trong toàn hệ thống đăng kiểm.

- Hiện đại hóa cơ sở, vật chất, trang thiết bị trong toàn ngành Đăng kiểm: xây dựng cơ sở vật chất các Chi cục, Trung tâm đăng kiểm kang trang, hiện đại; đầu tư các thiết bị hiện đại phục vụ công tác đăng kiểm trong toàn ngành; xây dựng một trung tâm kiểm định kiểu mẫu (vừa để đào tạo vừa hoạt động kiểm định); trang bị hệ thống camera đường truyền tốc độ cao để theo dõi các hoạt động từ văn phòng Cục; trang bị các phần mềm ứng dụng hiện đại; xây dựng hệ thống bảo mật dữ liệu và hệ thống máy chủ an toàn, hiện đại cho toàn Đăng kiểm; xây dựng Trung tâm thử nghiệm ô tô có quy mô phù hợp.



PHỤ LỤC 1

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KIỆM

STT	Tên VBQPPL	Ngày	Ban hành	Nội dung
1	Quyết định số 01/2007/QĐ-BGTVT	27/01/2007	Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	Về việc áp dụng tiêu chuẩn TCVN 6578:2000 và TCVN 6580:2000 về số nhận dạng phương tiện (VIN) đối với ô tô, rơ moóc và sơ mi rơ moóc sản xuất lắp ráp tại Việt Nam
2	Quyết định số 191/2003/QĐ-TTg	16/09/2003	Thủ tướng Chính phủ	Về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung năm 2002 một số chương của Công ước SOLAS 74 và Bộ luật ISPS
3	Quyết định số 195/1998/QĐ-TTg	07/10/1998	Thủ tướng Chính phủ	Phê duyệt "Hiệp định công nhận lẫn nhau Giấy chứng nhận kiểm định xe cơ giới thương mại do các nước ASEAN cấp"
4	Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg	10/10/2005	Thủ tướng Chính phủ	Quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông đường bộ
5	Quyết định số 547/2013/QĐ-CTN	22/03/2013	Chủ tịch nước	Về việc gia nhập Công ước Lao động hàng hải 2006
6	Quyết định số 2922/QĐ-PC	01/11/1996	Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	Về việc áp dụng Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM) đối với các công ty và tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến quốc tế
7	Quyết định số 4597/2001/QĐ-BGTVT	28/12/2001	Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	Quy định kiểu loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ được phép tham gia giao thông
8	Nghị định số 03/2012/NĐ-CP	19/01/2012	Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 109//2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đường sắt

STT	Tên VBQPPL	Ngày	Ban hành	Nội dung
9	Nghị định số 95/2009/NĐ-CP	30/10/2009	Chính phủ	Quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người
10	Nghị định số 109/2006/NĐ-CP	22/09/2006	Chính phủ	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt
11	Nghị định số 161/2013/NĐ-CP	12/11/2013	Chính phủ	Về đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển
12	Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT	03/04/2009	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt
13	Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT	24/06/2009	Bộ Giao thông vận tải	Về kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ
14	Thông tư số 10/2014/TT-BGTVT	23/04/2014	Bộ Giao thông vận tải	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT ngày 24/06/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
15	Thông tư số 11/2009/TT-BGTVT	24/06/2009	Bộ Giao thông vận tải	Quy định điều kiện đối với Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ
16	Thông tư số 15/2013/TT-BGTVT	26/07/2013	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về biểu mẫu giấy chứng nhận và sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp dùng cho phương tiện thủy nội địa
17	Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT	13/05/2014	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về điều kiện đối với xe chở hàng 4 bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông

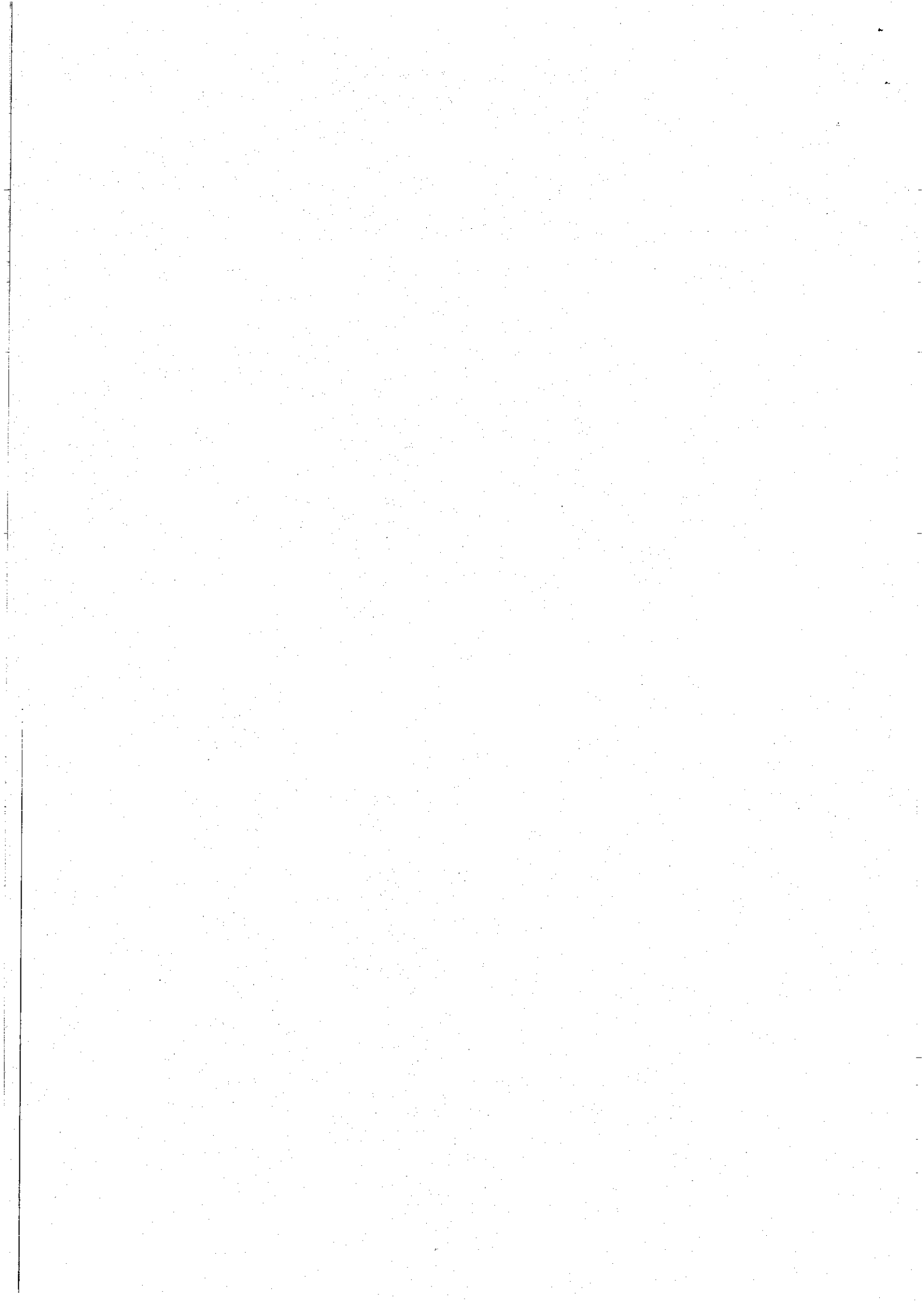
STT	Tên VBQPPL	Ngày	Ban hành	Nội dung
18	Thông tư số 19/2012/TT-BGTVT	06/06/2012	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô của cơ sở sản xuất, thương nhân nhập khẩu xe ô tô
19	Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT	28/05/2014	Bộ Giao thông vận tải	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải, Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ Giao thông vận tải và Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ Giao thông vận tải
20	Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT	30/07/2010	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường đường bộ
21	Thông tư số 21/2010/TT-BGTVT	10/08/2010	Bộ Giao thông vận tải	Về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người
22	Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT	15/10/2009	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng
23	Thông tư số 24/2013/TT-BGTVT	27/08/2013	Bộ Giao thông vận tải	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chế tạo, kiểm tra chứng nhận thiết bị áp lực trong giao thông vận tải
24	Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT	14/04/2011	Bộ Giao thông vận tải	Về việc áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật ISPS)
25	Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT	24/09/2013	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

STT	Tên VBQPPL	Ngày	Ban hành	Nội dung
26	Thông tư số 29/2012/TT-BGTVT	31/07/2012	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ
27	Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT	15/04/2011	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới
28	Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT	15/04/2011	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu
29	Thông tư số 32/2012/TT-BGTVT	09/08/2012	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về kích thước giới hạn thùng chở hàng ô tô tải tự đổ, rơ moóc và sơ mi rơ moóc tự đổ, ô tô xi téc, rơ moóc và sơ mi rơ moóc xi téc tham gia giao thông đường bộ
30	Thông tư số 33/2011/TT-BGTVT	19/04/2011	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển
31	Thông tư số 34/2012/TT-BGTVT	22/08/2012	Bộ Giao thông vận tải	Quy định danh mục, biện pháp bảo đảm an toàn đối với phương tiện động lực chuyên dùng khi khai thác, vận dụng trên đường sắt không bắt buộc phải có thiết bị ghi tốc độ và các thông tin liên quan đến việc điều hành chạy tàu (hộp đen)
32	Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT	06/05/2011	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nôi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải
33	Thông tư số 36/2011/TT-BGTVT	06/05/2011	Bộ Giao thông vận tải	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2009/TT-BGTVT ngày 03/4/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt

STT	Tên VBQPPL	Ngày	Ban hành	Nội dung
34	Thông tư số 41/2011/TT-BGTVT	18/05/2011	Bộ Giao thông vận tải	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng
35	Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT	05/11/2013	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện
36	Thông tư số 42/2012/TT-BGTVT	16/10/2012	Bộ Giao thông vận tải	Quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm
37	Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT	23/10/2012	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy
38	Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT	23/10/2012	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy
39	Thông tư số 45/2013/TT-BGTVT	19/11/2013	Bộ Giao thông vận tải	Quy định thủ tục cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp lao động hàng hải và Giấy chứng nhận lao động hàng hải theo Công ước Lao động hàng hải (MLC)
40	Thông tư số 48/2013/TT-BGTVT	06/12/2013	Bộ Giao thông vận tải	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm trong khai thác tàu biển
41	Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT	27/12/2012	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ
42	Thông tư số 56/2013/TT-BGTVT	27/12/2013	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về việc kiểm tra thiết bị vệ sinh tự hoại trên toa xe khách

STT	Tên VBQPPL	Ngày	Ban hành	Nội dung
43	Thông tư số 59/2013/TT-BGTVT	30/12/2013	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về việc thành lập và hoạt động của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới
44	Thông tư số 60/2013/TT-BGTVT	30/12/2013	Bộ Giao thông vận tải	Sửa đổi Điều 7 của Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT ngày 27/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ
45	Thông tư số 65/2011/TT-BGTVT	27/12/2011	Bộ Giao thông vận tải	Quy định về đăng kiểm viên tàu biển
46	Thông tư số 102/2008/TT-BTC	11/11/2008	Bộ Tài chính	Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
47	Thông tư số 114/2013/TT-BTC	20/08/2013	Bộ Tài chính	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng linh kiện, xe cơ giới và các loại thiết bị, xe máy chuyên dùng
48	Thông tư số 123/2013/TT-BTC	28/08/2013	Bộ Tài chính	Ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa
49	Thông tư số 165/2013/TT-BTC	15/11/2013	Bộ Tài chính	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí trong lĩnh vực đăng kiểm tàu biển, công trình biển; phí đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn, an ninh tàu biển, công trình biển và phí phê duyệt, kiểm tra, đánh giá và chứng nhận lao động hàng hải thuộc phạm vi giám sát của Cục Đăng kiểm Việt Nam
50	Thông tư số 197/2012/TT-BTC	15/11/2012	Bộ Tài chính	Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện

STT	Tên VBQPPL	Ngày	Ban hành	Nội dung
51	Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BGTVT	08/10/2013	Bộ Giao thông vận tải	(văn bản hợp nhất của Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2004 và Thông tư số 34/2011/TT-BGTVT ngày 26/04/2011) về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa
52	Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-BGTVT	26/11/2013	Bộ Giao thông vận tải	(văn bản hợp nhất của Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12/10/2005 và Thông tư số 32/2011/TT-BGTVT ngày 19/04/2011) quy định về đăng kiểm tàu biển



PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT NĂM 2014 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

STT	Tên VBQPPL	Cơ quan soạn thảo	Lộ trình	Ghi chú
1. Nghị định				
1	Nghị định của Chính phủ về niên hạn sử dụng đối với phương tiện thủy nội địa	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 09/2014	Cục đã trình Bộ Giao thông vận tải đề cương chi tiết tại văn bản số 713/ĐKVN-PC-ISO ngày 19/03/2014 và trình dự thảo tại văn bản số 1415/ĐKVN-TS ngày 08/05/2014
2. Thông tư				
2	Thông tư quy định về dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại 7 chỗ trở xuống	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 06/2014	Cục đã trình Bộ Giao thông vận tải dự thảo tại văn bản số 650/ĐKVN-VAQ ngày 14/03/2014
3	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15/4/2011 ban hành quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 08/2014	Cục đã trình Bộ Giao thông vận tải dự thảo tại văn bản số 1173/ĐKVN-PC-ISO ngày 18/04/2014
4	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm soát tiếng ồn tàu biển	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 12/2014	Cục Đăng kiểm Việt Nam trình Bộ dự thảo tại văn bản 2666/ĐKVN-KHCN ngày 08/7/2014
5	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng du thuyền	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 09/2014	Cục Đăng kiểm Việt Nam trình Bộ dự thảo tại văn bản 3404/ĐKVN-KHCN ngày 11/8/2014

STT	Tên VBQPPL	Cơ quan soạn thảo	Lộ trình	Ghi chú
6	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép QCVN 21:2010/BGTVT (sửa đổi lần 2)	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 09/2014	Cục Đăng kiểm Việt Nam trình Bộ dự thảo tại văn bản 3404/ĐKVN-KHCN ngày 11/8/2014
7	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa vỏ gỗ	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 12/2014	Đã xong dự thảo, đang gửi lấy ý kiến tại công văn số 120/TS ngày 11/6/2014 và công văn số 186/TS ngày 28/8/2014
8	Thông tư quy định về bảo dưỡng kỹ thuật, sửa chữa phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 8/2014	Đã xong dự thảo, đang gửi lấy ý kiến góp ý
9	Thông tư về đào tạo đăng kiểm viên kiểm định phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sửa đổi hoặc thay thế Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24/09/2013)	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 11/2014	Cục Đăng kiểm Việt Nam đã trình Bộ GTVT dự thảo tại văn bản số 3562/ĐKVN-VAR ngày 20/8/2014
10	Thông tư quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (thay thế Thông tư 29/2012/TT-BGTVT)	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 11/2014	Cục đã trình Bộ GTVT dự thảo tại văn bản số 3561/ĐKVN-VAR ngày 20/8/2014
11	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xe ô tô khách thành phố phục vụ người khuyết tật	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 10/2014	Cục đã trình lại Bộ GTVT dự thảo sau khi tiếp thu ý kiến tháng 9 năm 2014
12	Thông tư quy định về điều kiện, kiểm định xe 4 bánh chạy năng lượng điện và người điều khiển tham gia giao thông tại các địa phương được Thủ tướng Chính phủ cho phép thí điểm hoạt động	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 11/2014	Cục Đăng kiểm Việt Nam trình Bộ dự thảo Thông tư trong tháng 10 năm 2014

STT	Tên VBQPPL	Cơ quan soạn thảo	Lộ trình	Ghi chú
13	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải cho xe mô tô 2 bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới – mức Euro 3	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014	Cục Đăng kiểm Việt Nam đã trình Bộ Giao thông vận tải dự thảo ban hành
14	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 4 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2015	Ngày 07/08/2014, Bộ GTVT đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến
15	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị cứu sinh dùng cho phương tiện thủy nội địa	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 1/2015	Đã xong dự thảo, đang lấy ý kiến góp ý tại văn bản ngày 3/9/2014
3. Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật				
16	Tiêu chuẩn quốc gia về phương tiện giao thông cơ giới đường bộ - Độ bền của mô tô xe máy - Yêu cầu và phương pháp thử	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 11/ 2014	Bộ GTVT đã gửi HS lấy ý kiến các cơ quan tại văn bản số 7693/BGTVT-KHCN ngày 17/6/2014
17	Tiêu chuẩn quốc gia về phương tiện giao thông cơ giới đường bộ - Độ tin cậy của mô tô xe máy - Yêu cầu và phương pháp thử	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 12/ 2014	Bộ GTVT đã gửi HS lấy ý kiến các cơ quan tại văn bản số 7693/BGTVT-KHCN ngày 17/6/2014
18	Tiêu chuẩn quốc gia về đèn báo rẽ trên ô tô, rơ moóc, và sơ mi rơ moóc	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 11/ 2014	Bộ GTVT đã gửi HS lấy ý kiến các cơ quan tại văn bản số 7693/BGTVT-KHCN ngày 17/6/2014
19	Tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật đối với xe điện bốn bánh	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 1/2015	Cục Đăng kiểm Việt Nam đã trình Bộ dự thảo tại văn bản số 3454/ĐKVN-KHCN ngày 14/8/2014, Bộ GTVT đã gửi dự thảo lấy ý kiến của các đơn vị tại văn bản số 10788/BGTVT-KHCN ngày 28/08/2014

STT	Tên VBQPPL	Cơ quan soạn thảo	Lộ trình	Ghi chú
20	Tiêu chuẩn "Hệ thống đường sắt – Quy định yêu cầu về độ tin cậy, tính khả dụng, khả năng bảo dưỡng và độ an toàn (RAMS) – Phần 1	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 1/2015	Cục Đăng kiểm Việt Nam đã trình Bộ dự thảo tại công văn số 1737/ĐKVN-KHCN ngày 23/05/2014
21	Tiêu chuẩn "Hệ thống đường sắt – Quy định yêu cầu về độ tin cậy, tính khả dụng, khả năng bảo dưỡng và độ an toàn (RAMS) – Phần 2	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 1/2015	Đang xây dựng dự thảo TCVN
22	Tiêu chuẩn "Hệ thống đường sắt – Quy định yêu cầu về độ tin cậy, tính khả dụng, khả năng bảo dưỡng và độ an toàn (RAMS) – Phần 3	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 1/2015	Đang xây dựng dự thảo TCVN
23	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện giao thông đường sắt – Giá chuyển hướng toa xe khách – Yêu cầu kỹ thuật khi sản xuất lắp ráp	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 1/2015	Đang xây dựng dự thảo QCVN
24	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống nâng xếp xe ô tô	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Tháng 3/2015	Đang xây dựng dự thảo QCVN

PHỤ LỤC 3

THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

STT	Nhiệm vụ và giải pháp	Thời hạn hoàn thành
1. Về thể chế và cải cách thủ tục hành chính		
1.1	Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về đăng kiểm phù hợp với các luật, bộ luật liên quan, các điều ước quốc tế	2014 – 2015
1.2	Rà soát thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm	2014 – 2015
1.3	Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	2014 – 2015
1.4	Rà soát, xây dựng mới hoặc cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008	2014 – 2015
2. Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực		
2.1	Rà soát mô hình tổ chức trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, kiểm định ô tô đang lưu hành; đánh giá, đề xuất báo cáo Bộ Giao thông vận tải	2014 – 2015
2.2	Rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm, các đơn vị đăng kiểm cho phù hợp, tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ	2014 – 2015
2.3	Xây dựng vị trí việc làm cho toàn bộ lĩnh vực đăng kiểm theo các giai đoạn phát triển (5 năm, 10 năm)	2014 – 2015
2.4	Rà soát, xây dựng quy hoạch vị trí lãnh đạo các đơn vị đăng kiểm trong toàn ngành thuộc diện quản lý của Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014 – 2015
2.5	Xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác luân chuyển công chức, viên chức giữ vị trí lãnh đạo hoặc đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ có vị trí tiếp xúc với khách hàng có thể nảy sinh tiêu cực	2014 – 2015

2.6	Xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về đào tạo nguồn nhân lực theo hướng tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp	2014 – 2020
2.7	Nghiên cứu, đề xuất chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công nhân viên chức ngành đăng kiểm	2014 – 2015
3. Về kiểm tra, giám sát		
3.1	Triển khai và duy trì thường xuyên hoạt động kiểm tra chất lượng công tác đăng kiểm và phòng, chống tiêu cực; trang bị các thiết bị chuyên dùng cho bộ phận chuyên trách để theo dõi từ trụ sở cơ quan Cục Đăng kiểm Việt Nam nhằm giám sát hoạt động đăng kiểm	2014 – 2015
3.2	Duy trì đường dây nóng niêm yết tại các Trung tâm, Chi cục, đơn vị đăng kiểm để tiếp nhận và xử lý các phản ánh của khách hàng, người dân về công tác đăng kiểm	2014 – 2020
3.3	Phối hợp chặt chẽ với lực lượng thanh tra giao thông vận tải, công an, cảng vụ, cơ quan điều tra tại nạn giao thông trong việc kiểm tra, giám sát chủ phương tiện duy trì tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện giữa hai kỳ kiểm định	2014 – 2020
3.4	Kiểm tra đột xuất đối với các cơ sở đăng kiểm, giám sát chất lượng công tác đăng kiểm, đặc biệt là việc hậu kiểm các phương tiện mới hoàn thành kiểm định để có biện pháp hiệu quả nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các sai phạm	2014 – 2020
4. Về thi đua, tuyên truyền		
4.1	Tổ chức phát động đợt vận động chính trị sâu rộng về đổi mới, nâng cao chất lượng và phòng, chống tiêu cực trong công tác đăng kiểm trong năm 2014-2015	2014 – 2015
4.2	Phối hợp với các cơ quan báo chí tuyên truyền về hoạt động đăng kiểm; phản ánh những hiện tượng vi phạm của chủ phương tiện, cán bộ công chức, viên chức, đăng kiểm viên.	2014 – 2015
5. Về hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị; ứng dụng khoa học, công nghệ		
5.1	Hiện đại hóa cơ sở, vật chất, trang thiết bị trong toàn ngành đăng kiểm. Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các thiết bị kiểm định mới để kiểm định các loại xe cơ giới đời mới	2014 – 2016

5.2	Xây dựng trung tâm thử nghiệm ô tô có quy mô phù hợp theo các giai đoạn phát triển	2014 – 2020
5.3	Xây dựng hệ thống camera đường truyền tốc độ cao để theo dõi các hoạt động từ văn phòng Cục Đăng kiểm Việt Nam	2014 – 2015
5.4	Xây dựng và nâng cấp các phần mềm ứng dụng hiện đại để quản lý, theo dõi, giám sát, phân tích dữ liệu, thẩm định thiết kế kỹ thuật, bao gồm: phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; phần mềm quản lý đăng kiểm xe cơ giới; phần mềm thẩm định thiết kế xe cơ giới; phần mềm mô phỏng thử nghiệm độ bền khung xương, vỏ xe khách	2014 – 2015
5.5	Xây dựng các phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm	2014 – 2016
5.6	Xây dựng Trung tâm kiểm định kiểu mẫu	2016 – 2020
5.7	Xây dựng hệ thống bảo mật dữ liệu và hệ thống máy chủ an toàn, hiện đại cho toàn ngành đăng kiểm	2016 – 2020
6. Về hợp tác quốc tế		
6.1	Tăng cường hợp tác, tham gia các hoạt động với các tổ chức, hiệp hội quốc tế về lĩnh vực tàu biển, xe cơ giới	2014 – 2020
6.2	Chuẩn bị, triển khai các Bộ Luật quốc tế về lĩnh vực tàu biển, tham gia các Hiệp định quốc tế về xe cơ giới	2014 – 2020

